

Tuần 1

Nhận xét của giáo viên:

Họ và tên:

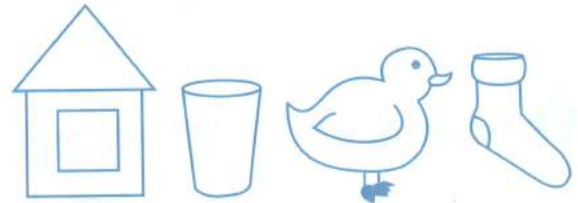
Lớp:

1 Quan sát hình vẽ:

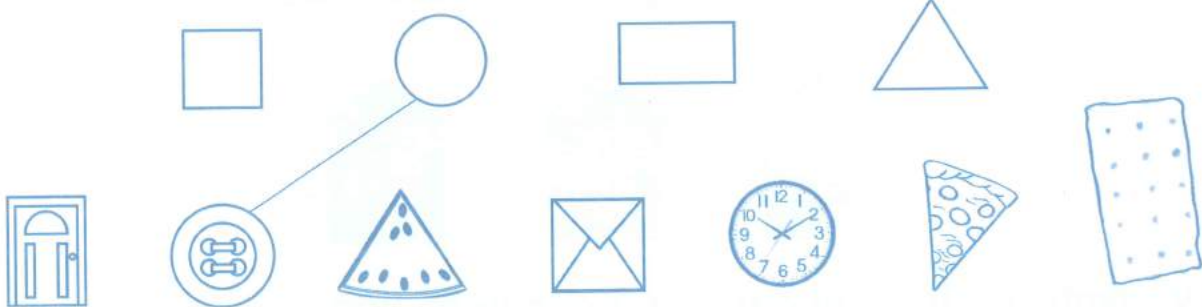
a) Tô màu vàng vào đồ vật ở **bên trái** quả bóng, tô màu nâu vào đồ vật ở **bên phải** quả bóng.



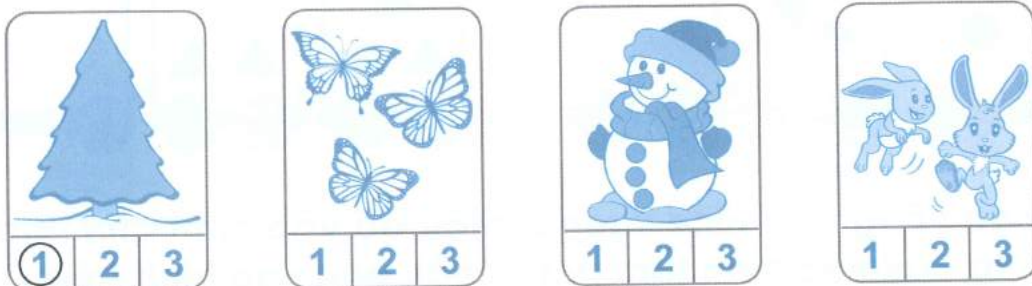
b) Khoanh vào đồ vật ở **phía trước** ô tô, khoanh vào đồ vật ở **phía sau** con vịt.



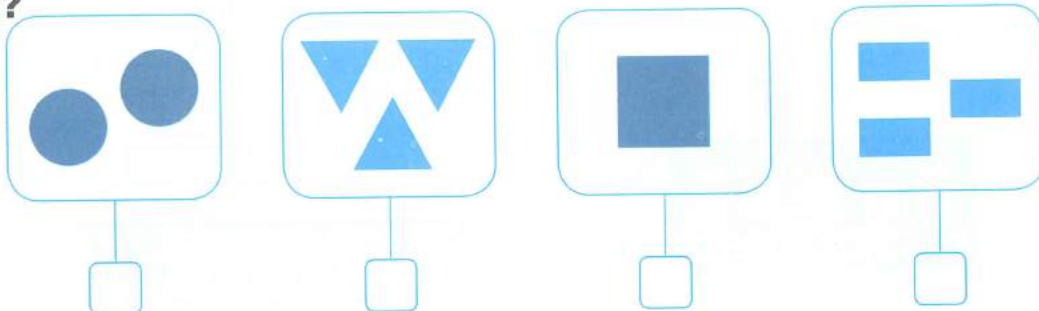
2 Nối (theo mẫu):






3 Đếm rồi khoanh vào số thích hợp (theo mẫu):



4 Số ?



5 Tô màu vào số hình thích hợp:

1	
2	
3	

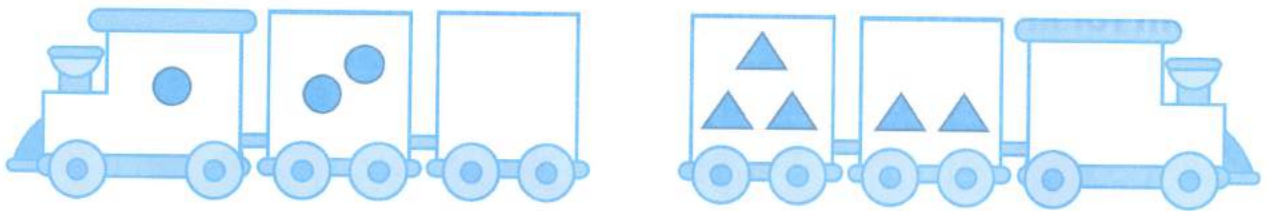
- 6** a) Tô màu vào 3 cây nến.
 b) Khoanh vào cây nến đầu tiên tính từ bên tay phải của em.
 c) Đánh dấu **x** vào cây nến đầu tiên tính từ bên tay trái của em.



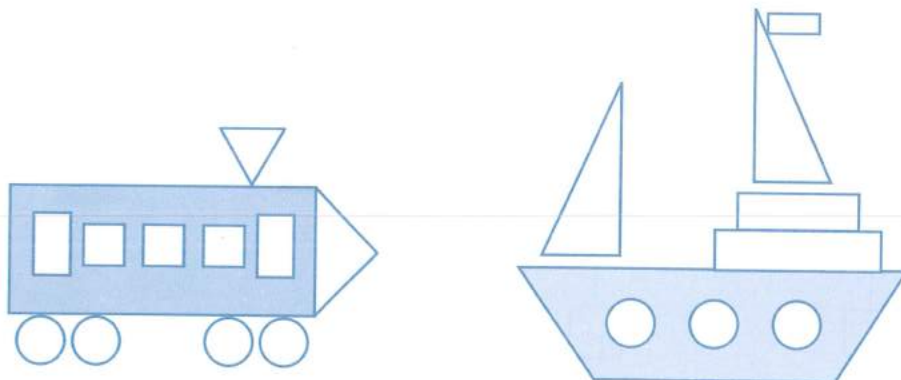
7 Nối mỗi cánh cửa với ngôi nhà thích hợp:



8 Vẽ hình vào toa tàu còn trống cho thích hợp:



9 Tô màu vàng vào hình vuông, màu đỏ vào hình chữ nhật, màu xanh lá cây vào hình tam giác, màu nâu vào hình tròn:



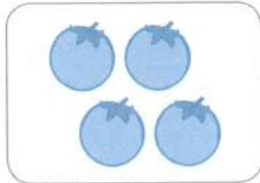
Nhận xét của giáo viên:

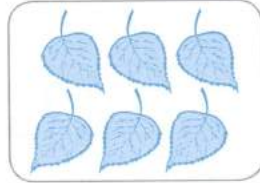
.....

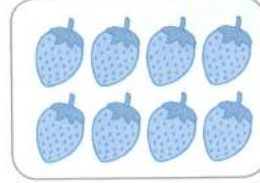
1 SỐ ?

a)



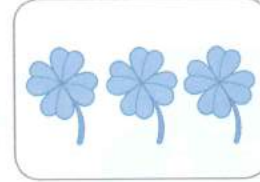














b)



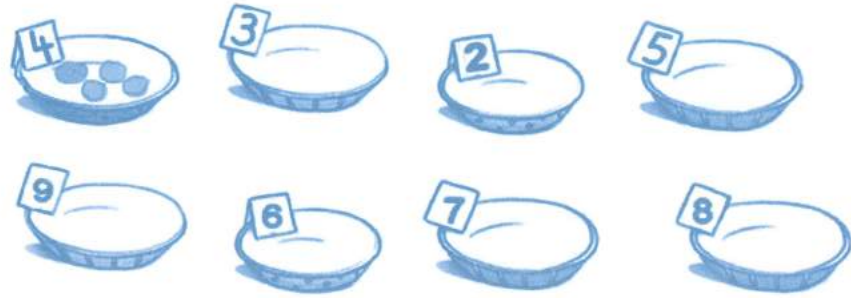




2 Tô màu vào số hình thích hợp:

4	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
0	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3 Vẽ số bánh thích hợp (theo mẫu):



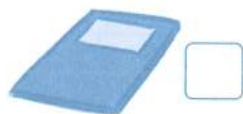
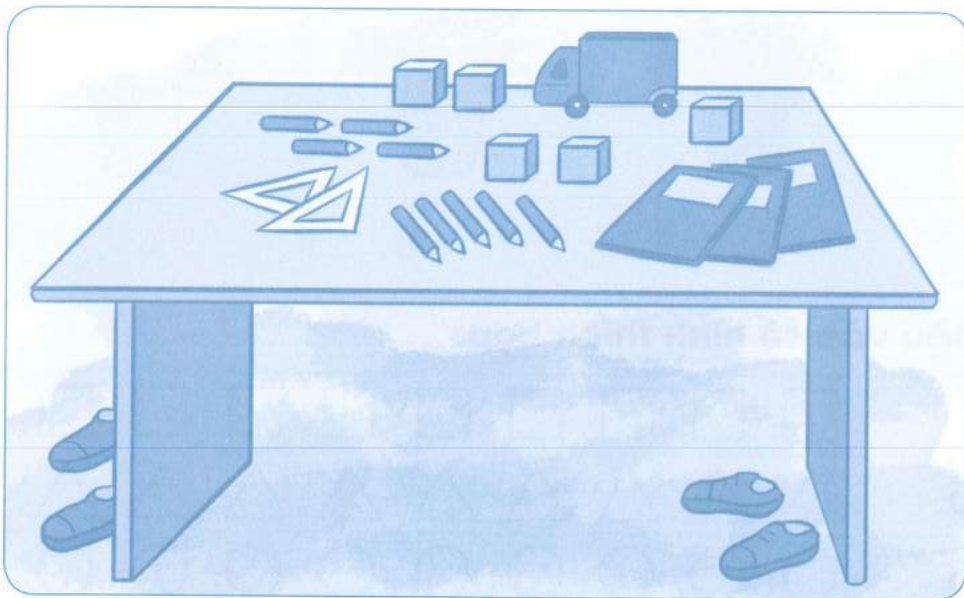
4 Số ?

	1		3		5		7	8	
	8			5		3	2		0

5 Số ?



6 Số ?



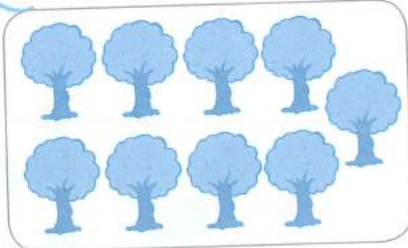
Tuần 3

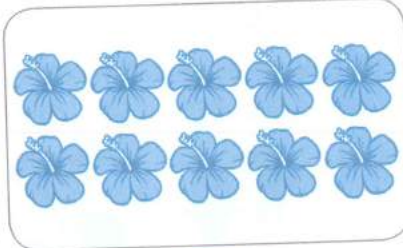
Nhận xét của giáo viên:

Họ và tên:

Lớp:

1 SỐ?







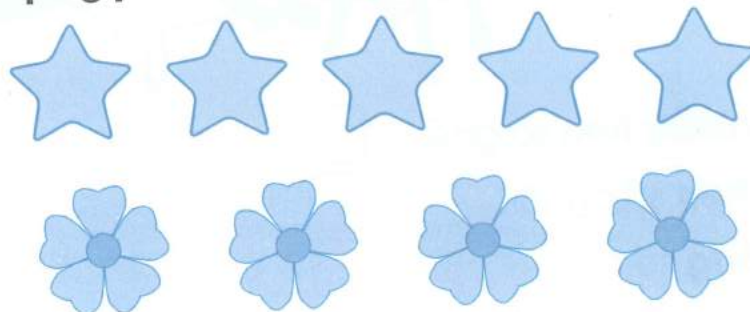
2 Tô màu vào số hình thích hợp:

10	
9	
6	
7	
8	

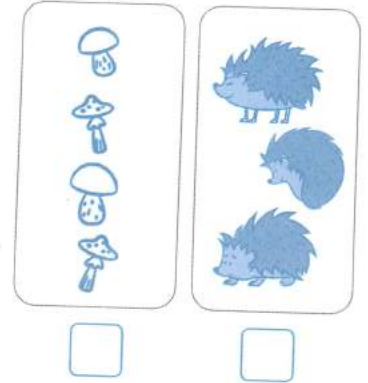
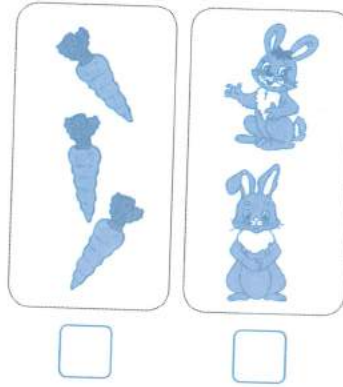
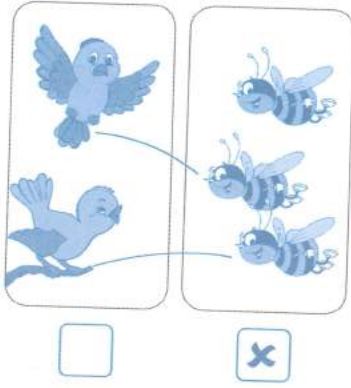
3 SỐ?

- a)
- b)

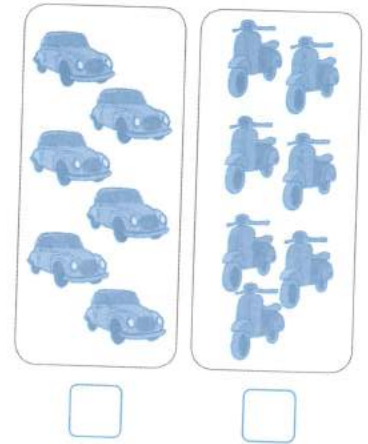
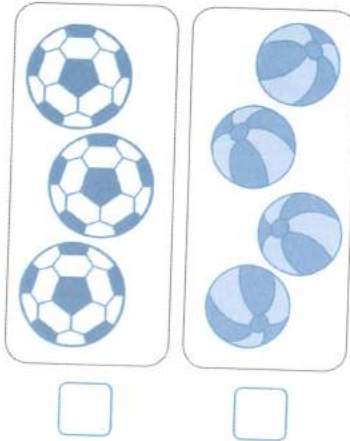
4 Vẽ thêm hoặc gạch bớt hình cho số lượng bằng nhau:



5 a) Nối rồi đánh dấu **x** vào nhóm nhiều hơn (theo mẫu):



b) Nối rồi đánh dấu **x** vào nhóm ít hơn:









6 Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:



- a) Số người **nhiều hơn** số ghế.
- b) Số cốc **ít hơn** số người.
- c) Số cốc **bằng** số bát.

.....

1 Viết số và dấu thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

					
<input type="text" value="4"/>	>	<input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="5"/>	<	<input type="text" value="4"/>
<input type="text"/>	<	<input type="text"/>	<input type="text"/>	>	<input type="text"/>

2 ?

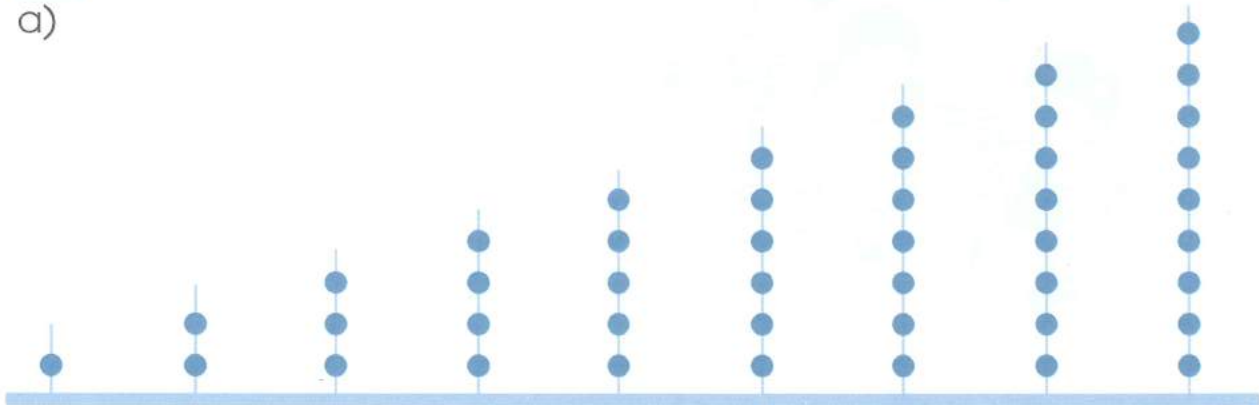
2 <input type="text"/>	5	8 <input type="text"/>	8	9 <input type="text"/>	10
6 <input type="text"/>	3	7 <input type="text"/>	6	7 <input type="text"/>	2

- 3** a) Khoanh vào số lớn nhất: 7 , 6 , 8
 b) Khoanh vào số bé nhất: 9 , 3 , 4

- 4** Viết các số 2, 6, 1, 5 theo thứ tự:
 a) Từ bé đến lớn:;;;
 b) Từ lớn đến bé:;;;

5 Số ?

a)



1 < 2 < 3 < < < < < < <

b) 9 > 8 > 7 > > > > > >

6 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$0 < 1$

$9 = 9$

$5 = 6$

$3 > 4$

$0 < 9$

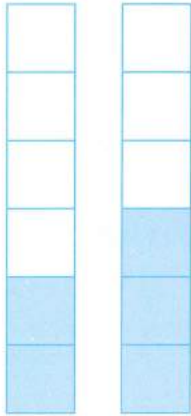
$6 < 8$

$0 < 5$

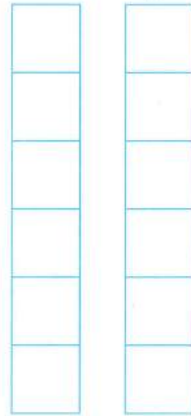
$7 > 8$

$0 > 3$

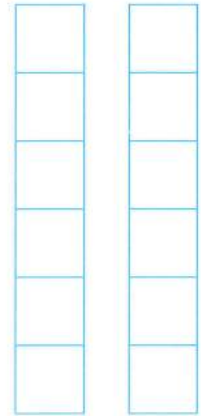
7 Tô màu vào số ô vuông cho thích hợp (theo mẫu):



$2 < 3$

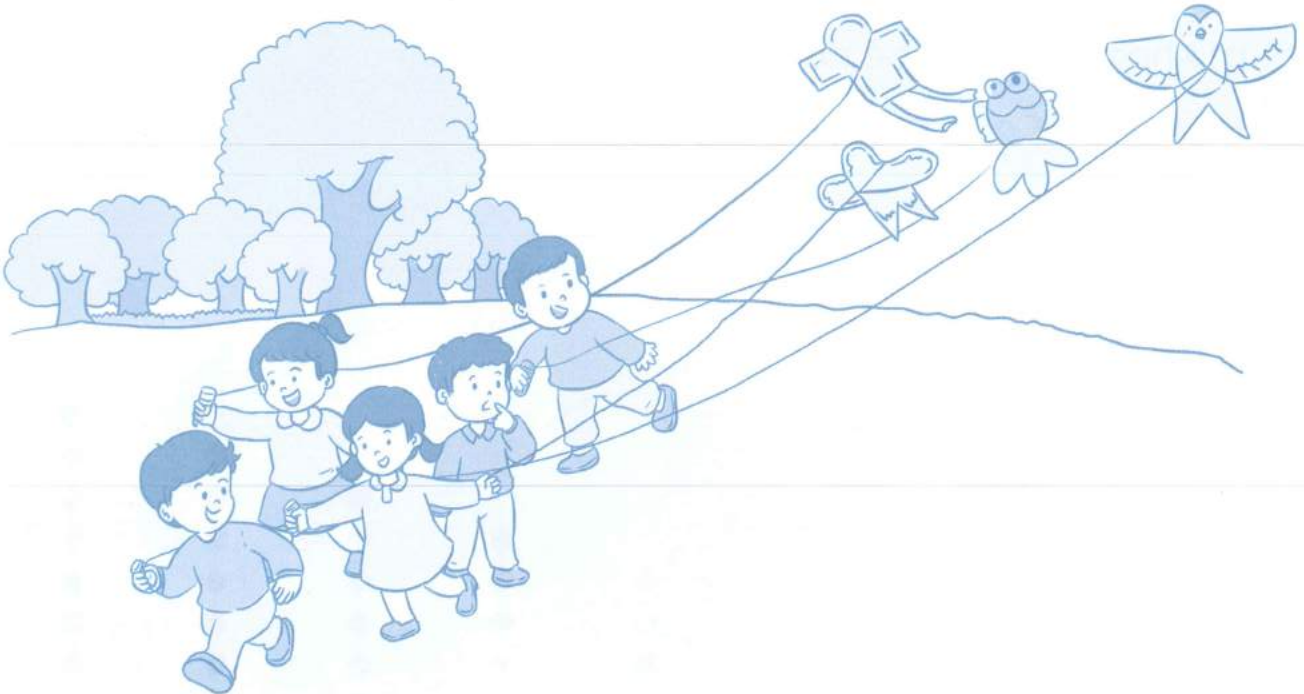


$4 = 4$



$6 > 3$

8 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:



a) Số người **nhiều hơn** số diều.

b) Số người **ít hơn** số diều.

c) Số người **bằng** số diều.

1 Đánh dấu **x** vào bạn cầm đồ vật ở tay trái, đánh dấu **✓** vào bạn cầm đồ vật ở tay phải:

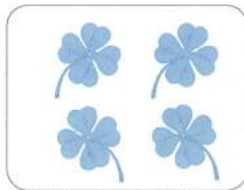


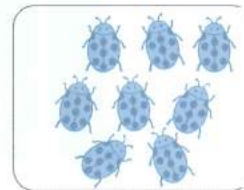




2 a) **Số?**





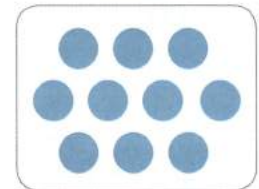












b) Vẽ thêm số hình thích hợp:

8



9



7

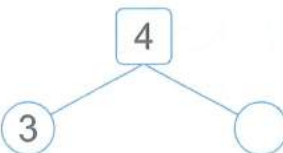


10

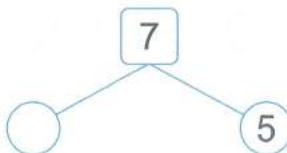


c) **Số?**

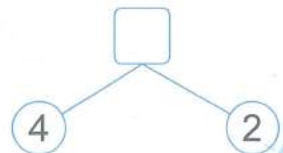
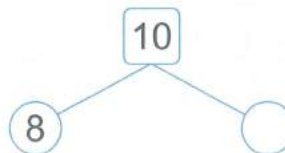
4



7



10



3 >
 <
 = ?

5 7

8 8

10 0

6 9

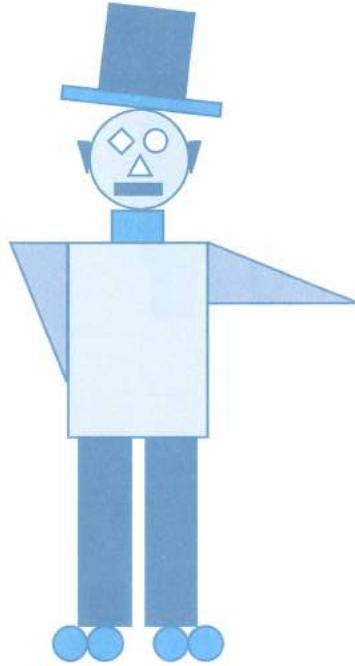
8 6

3 3

4 a) Khoanh vào số lớn nhất: 7 , 4 , 0 , 8

b) Khoanh vào số bé nhất: 10 , 6 , 9 , 5

5 **Số?**



Hình bên có:

Hình tròn

Hình chữ nhật

Hình vuông

Hình tam giác

6 **Số?**

a)



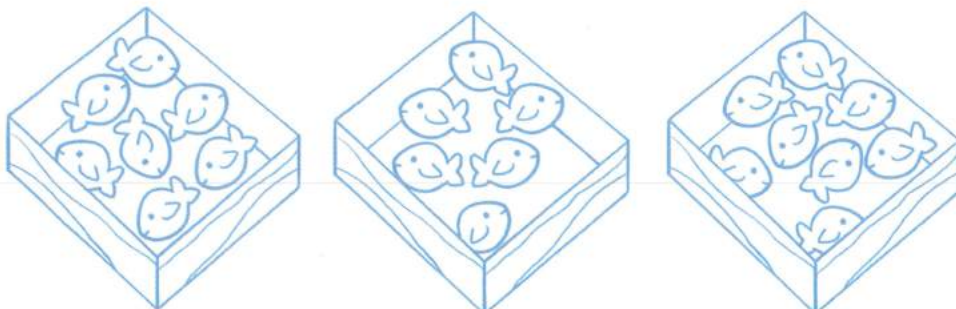
b)



c)



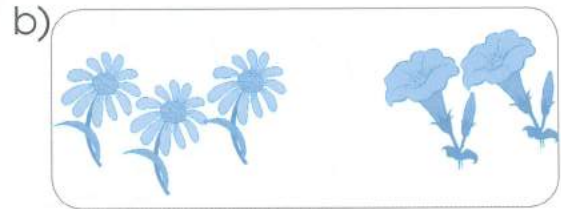
7 Tô màu đỏ vào hộp có nhiều bánh cá nhất, tô màu xanh vào hộp có ít bánh cá nhất:



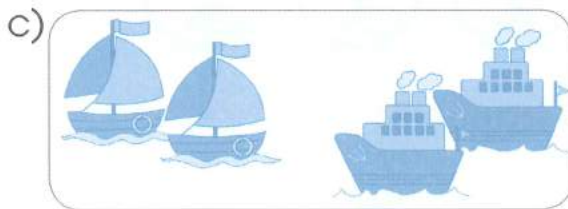
1 SỐ?



$2 + 1 = \square$



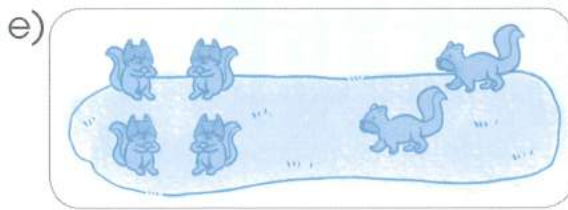
$3 + 2 = \square$



$2 + 2 = \square$



$2 + 3 = \square$



$4 + 2 = \square$



$3 + 2 = \square$

2 Tính:



$3 + 1 = \dots\dots$



$2 + 2 = \dots\dots$



$2 + 3 = \dots\dots$



$1 + 4 = \dots\dots$

3 Tính:

$1 + 1 = \dots\dots$

$5 + 1 = \dots\dots$

$1 + 5 = \dots\dots$

$2 + 1 = \dots\dots$

$1 + 2 = \dots\dots$

$3 + 3 = \dots\dots$

$2 + 4 = \dots\dots$

$4 + 2 = \dots\dots$

4 Nối phép tính với kết quả thích hợp:

$3 + 2$

3

$1 + 2$

$3 + 1$

5

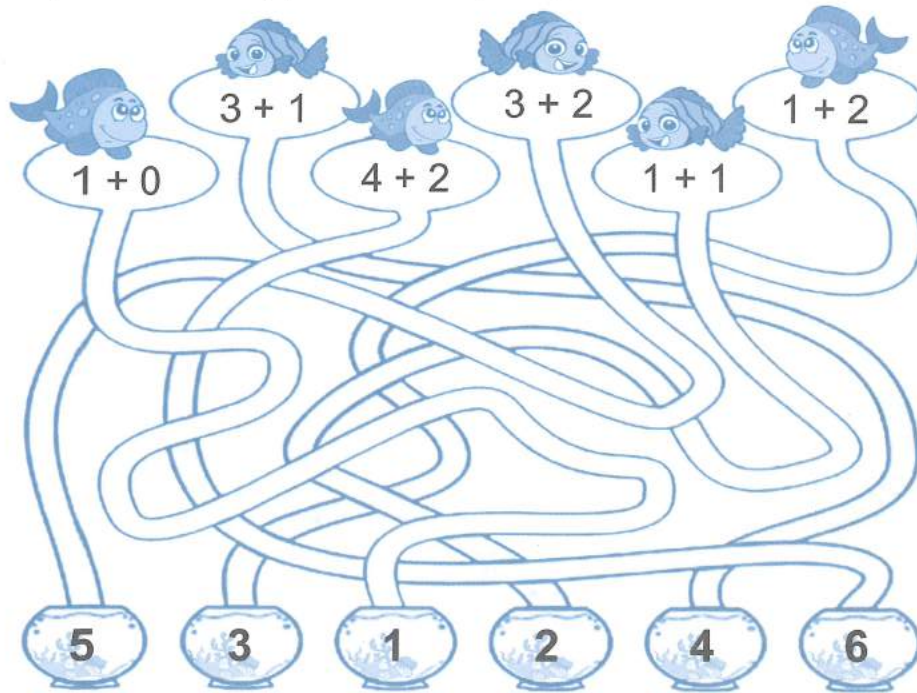
$4 + 1$

$2 + 2$

4

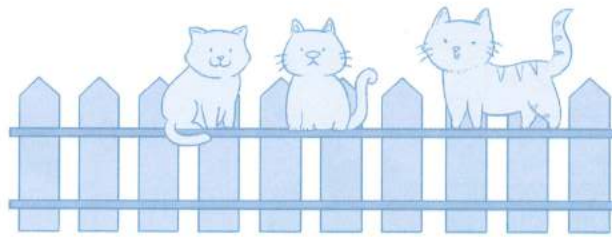
$2 + 1$

5 Tìm kết quả thích hợp với mỗi phép tính:



6 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square \circ \square = \square$$

b)



$$\square \circ \square = \square$$

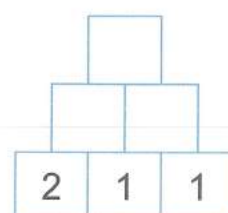
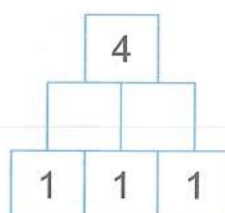
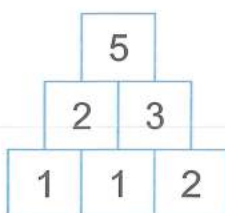
c)



$$\square \circ \square = \square$$

7 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

Mẫu:



Nhận xét của giáo viên:

.....

1 Tính nhẩm:

a) $3 + 1 = \dots\dots$

$4 + 2 = \dots\dots$

$3 + 2 = \dots\dots$

$1 + 3 = \dots\dots$

$2 + 4 = \dots\dots$

$2 + 3 = \dots\dots$

b) $4 + 0 = \dots\dots$

$3 + 0 = \dots\dots$

$0 + 6 = \dots\dots$

$0 + 4 = \dots\dots$

$0 + 3 = \dots\dots$

$6 + 0 = \dots\dots$

2 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$3 + 3 = 6$

$1 + 1 = 1$

$0 + 2 = 2$

$4 + 0 = 0$

$5 + 1 = 6$

$3 + 2 = 2$

3 Nối phép tính với kết quả thích hợp:

$5 + 1$

5

$1 + 3$

$2 + 3$

4

$3 + 3$

$0 + 4$

6

$5 + 0$

4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

5 Nối các phép tính có cùng kết quả:

$3 + 3$

$4 + 1$

$3 + 2$

$5 + 1$

$2 + 3$

$1 + 5$

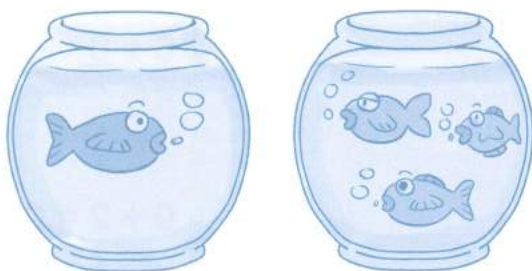
$3 + 1$

$4 + 2$

$2 + 2$

6 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square \circ \square = \square$$

$$\square \circ \square = \square$$

b)

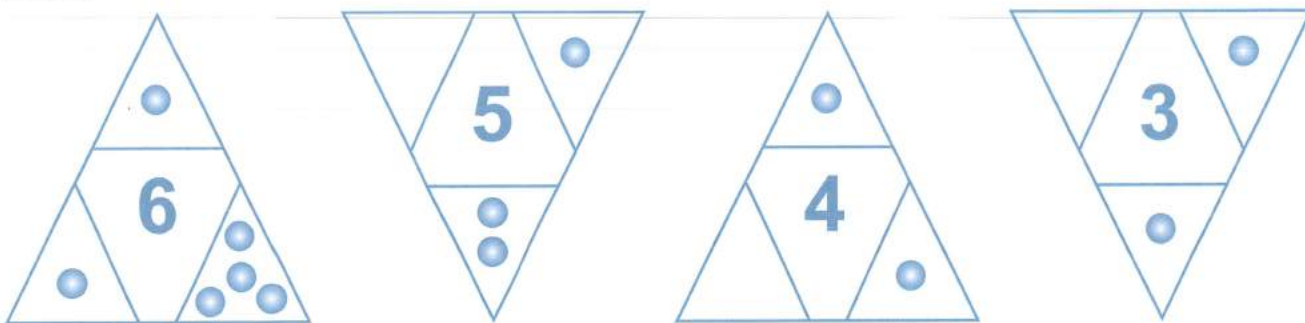


$$\square \circ \square = \square$$

$$\square \circ \square = \square$$

7 Vẽ thêm số chấm tròn thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

Mẫu:



8 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

Mẫu:

	↓	↓	↓
+	1	2	3
→ 1	2	3	4
→ 2	3	4	5
→ 3	4	5	6

	↓	↓	↓
+	3	2	1
→ 1			
→ 2			
→ 3			

	↓	↓	↓
+	4	3	2
→ 2			
→ 1			
→ 0			

Nhận xét của giáo viên:

.....

.....

.....

1 Nối tranh vẽ với phép tính thích hợp:



$5 + 4$



$3 + 2$



$6 + 2$



$5 + 2$

2 Tính:



$7 + 1 = \dots\dots$



$6 + 3 = \dots\dots$



$8 + 2 = \dots\dots$



$9 + 1 = \dots\dots$



$2 + 7 = \dots\dots$



$3 + 5 = \dots\dots$



$3 + 3 = \dots\dots$



$1 + 5 = \dots\dots$

3 Tính:

$6 + 1 = \dots\dots$

$7 + 3 = \dots\dots$

$5 + 5 = \dots\dots$

$2 + 5 = \dots\dots$

$4 + 4 = \dots\dots$

$7 + 2 = \dots\dots$

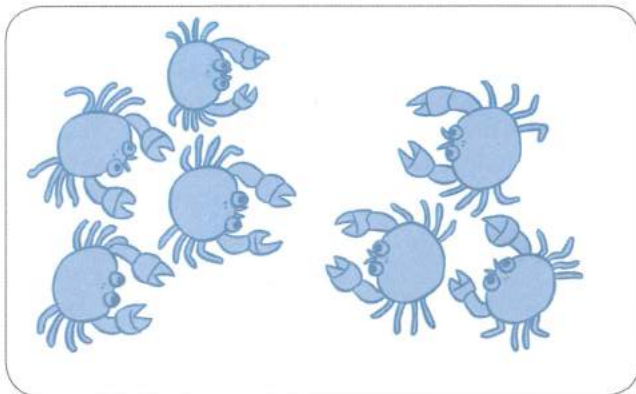
$8 + 1 = \dots\dots$

$5 + 3 = \dots\dots$

$1 + 9 = \dots\dots$

4 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square \circ \square = \square$$

$$\square \circ \square = \square$$

b)



$$\square \circ \square = \square$$

$$\square \circ \square = \square$$

5 Nối các phép tính theo thứ tự kết quả từ bé đến lớn:



$1 + 1$ $0 + 1$ $6 + 1$
 $8 + 1$ $5 + 1$ $7 + 1$
 $2 + 1$ $3 + 1$ $9 + 1$ $4 + 1$

6 Ông già Nô-en sẽ đi theo đường có ghi các phép tính kết quả là 10. Hãy đánh dấu \times vào ô trống cạnh ngôi nhà mà ông già Nô-en đến:

$2 + 8$ $5 + 4$
 $7 + 3$ $9 + 1$
 $5 + 5$ $1 + 9$
 $10 + 0$ $4 + 6$ $6 + 4$
 $3 + 7$

1 Tính nhẩm:

a) $3 + 6 = \dots\dots$

$1 + 7 = \dots\dots$

b) $9 + 0 = \dots\dots$

$0 + 9 = \dots\dots$

$2 + 8 = \dots\dots$

$5 + 5 = \dots\dots$

$8 + 0 = \dots\dots$

$0 + 8 = \dots\dots$

$6 + 2 = \dots\dots$

$3 + 4 = \dots\dots$

$0 + 10 = \dots\dots$

$10 + 0 = \dots\dots$

2 Nối phép tính với kết quả thích hợp (theo mẫu):



3 Viết số thích hợp vào ô trống:

10		
8	+	
	+	4
7	+	
	+	1

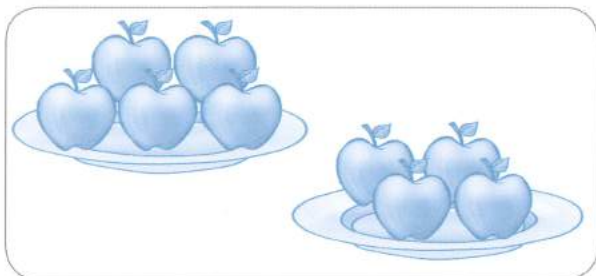
7		
1	+	
	+	0
3	+	
	+	2

5		
	+	4
5	+	
2	+	
	+	1

8		
3	+	
	+	7
2	+	
	+	4

4 Nêu phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$$\square \circ \square = \square$$

$$\square \circ \square = \square$$

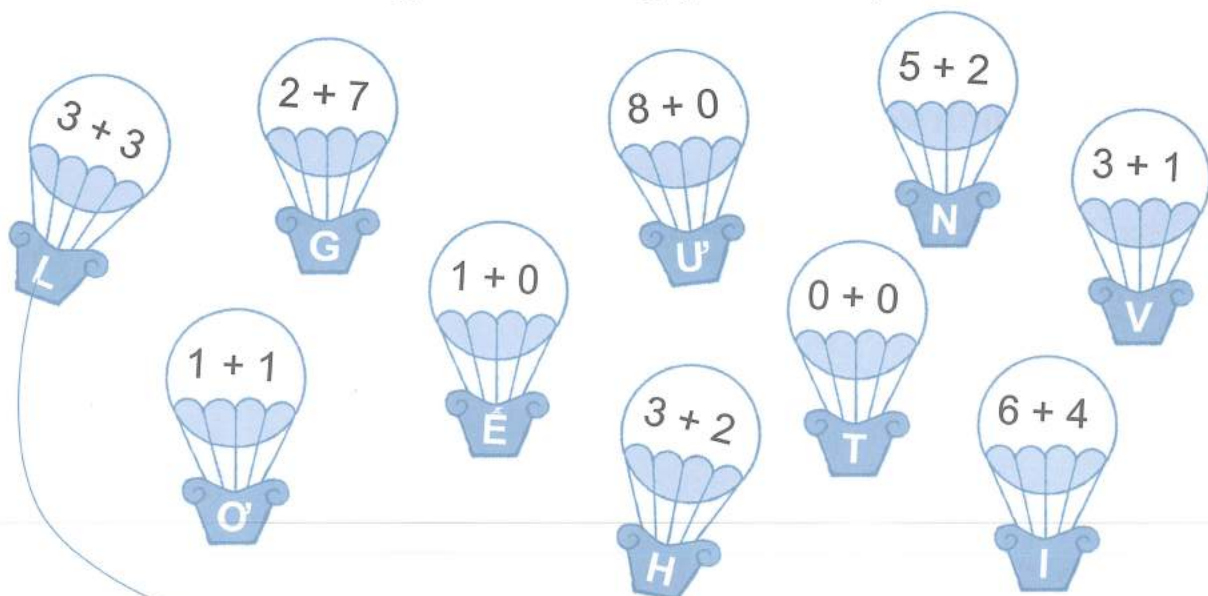
b)



$$\square \circ \square = \square$$

$$\square \circ \square = \square$$

5 Viết chữ cái thích hợp vào ô trống (theo mẫu):



6	8	2	7	9
L				

0	5	1

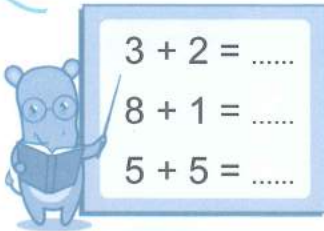
4	10	7	5

6 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

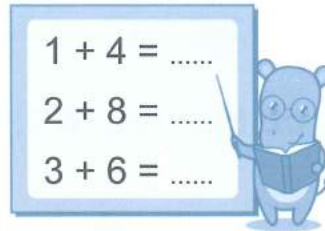
	+	0	1	2	3	4	5
→	0	0					
→	1						
→	2			4			
→	3					7	
→	4						9
→	5	5					

	+	0	1	2	3	4	5
→	9	9					
→	8						
→	7						
→	6						
→	5						

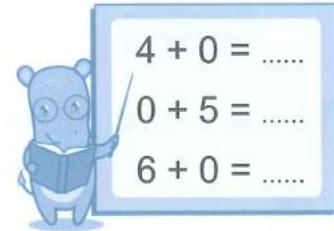
1 Tính nhẩm:



$3 + 2 = \dots$
 $8 + 1 = \dots$
 $5 + 5 = \dots$



$1 + 4 = \dots$
 $2 + 8 = \dots$
 $3 + 6 = \dots$



$4 + 0 = \dots$
 $0 + 5 = \dots$
 $6 + 0 = \dots$

2 Số ?

$4 + \square = 7$



$\square + 2 = 6$



$\square + 1 = 10$



$5 + \square = 8$



3 Nối (theo mẫu):



Lò vi sóng



Cây nến



Hộp sữa

Khối lập phương

Khối hộp chữ nhật



Hộp quà



Hộp đựng đồ



Vệ tinh

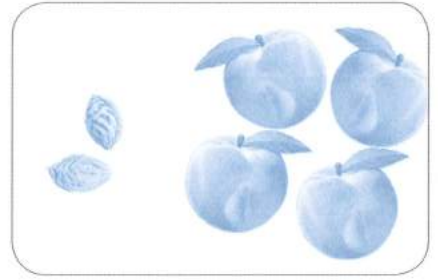
4 Nối phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:



$6 - 2$

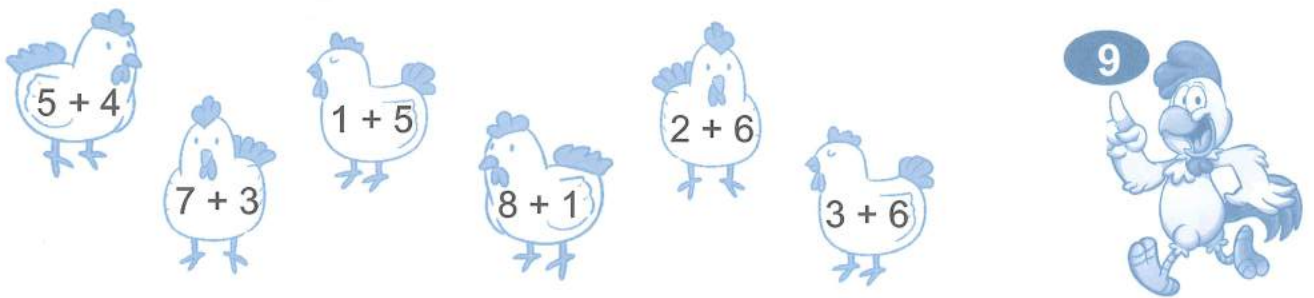


$5 - 3$

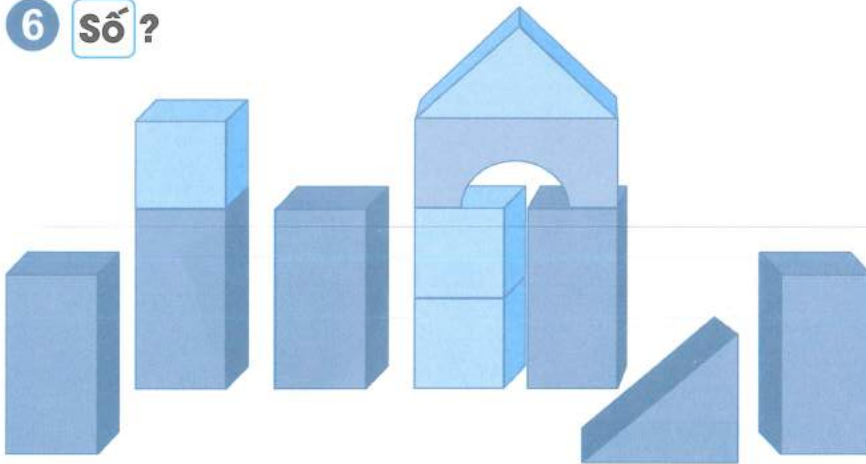


$4 - 3$

5 Tô màu các phép cộng có kết quả là 9:



6 Số ?



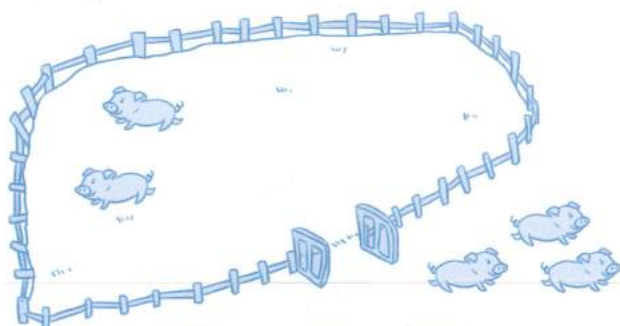
Hình bên có:

Khối lập phương

Khối hộp chữ nhật

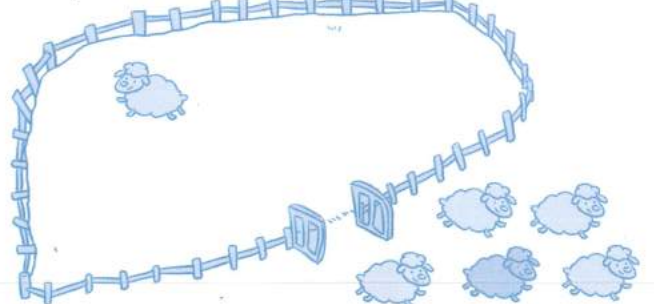
7 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



$\square \circ \square = \square$

b)



$\square \circ \square = \square$

1 SỐ?



$6 - 4 = \square$



$3 - 1 = \square$



$5 - 2 = \square$



$4 - 2 = \square$

2 Tính:

$6 - 2 = \dots\dots$

$6 - 5 = \dots\dots$

$4 - 1 = \dots\dots$

$3 - 2 = \dots\dots$

$5 - 1 = \dots\dots$

$6 - 1 = \dots\dots$

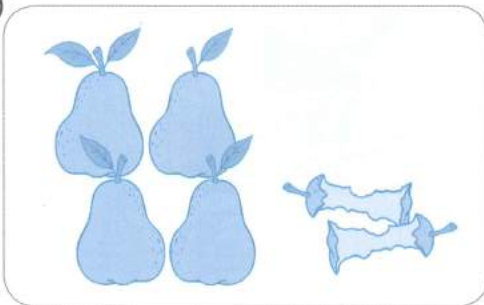
$2 - 2 = \dots\dots$

$5 - 5 = \dots\dots$

$6 - 6 = \dots\dots$

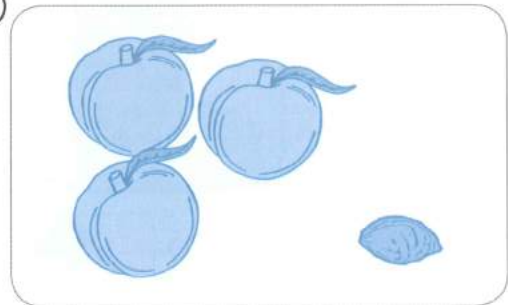
3 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



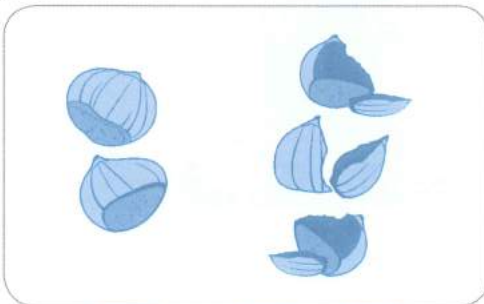
$\square \circ \square = \square$

b)



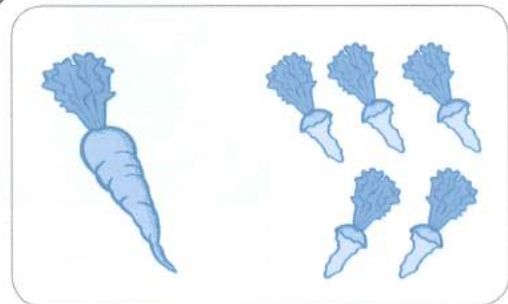
$\square \circ \square = \square$

c)



$\square \circ \square = \square$

d)



$\square \circ \square = \square$

4 Bớt hình tròn cho phù hợp với phép tính (theo mẫu):

Mẫu: $5 - 4$



$1 - 1$



$2 - 1$



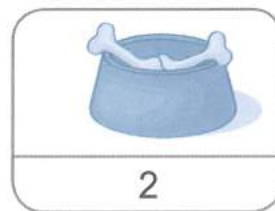
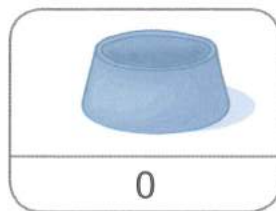
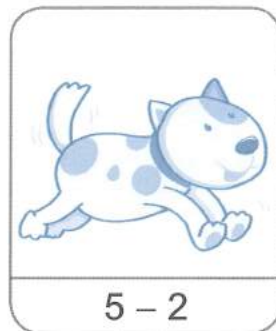
$2 - 2$



$6 - 3$



5 Nối (theo mẫu):



6 a) Số ?



Có



- =



- =



- =

b) Xem tranh rồi tập kể chuyện theo mỗi phép tính trên.

Nhận xét của giáo viên:

.....

.....

.....

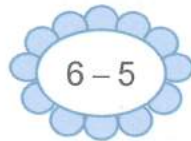
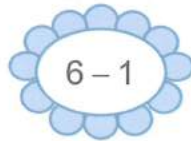
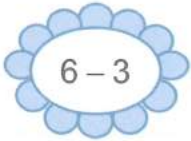
1 Tính nhẩm:

$2 - 1 = \dots\dots$
 $6 - 3 = \dots\dots$
 $6 - 2 = \dots\dots$

$5 - 1 = \dots\dots$
 $4 - 4 = \dots\dots$
 $6 - 4 = \dots\dots$

$5 - 2 = \dots\dots$
 $4 - 1 = \dots\dots$
 $6 - 6 = \dots\dots$

2 Tô màu các phép tính có kết quả là 1:



3 Tính nhẩm:

$5 - 0 = \dots\dots$

$3 - 0 = \dots\dots$

$4 - 0 = \dots\dots$

$2 - 0 = \dots\dots$

$6 - 0 = \dots\dots$

$1 - 0 = \dots\dots$

4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

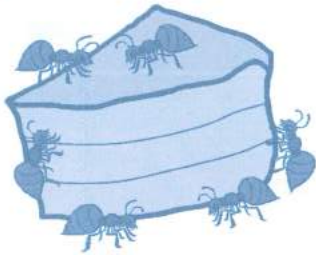
6		
6	-	

2		
6	-	4
5	-	
4	-	
3	-	
2	-	

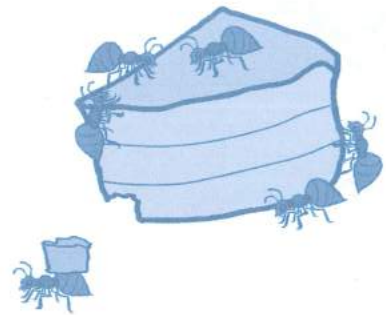
3		
6	-	3
5	-	
4	-	
3	-	

1		
2	-	1
3	-	
4	-	
5	-	
6	-	
1	-	

5 a) **Số?**



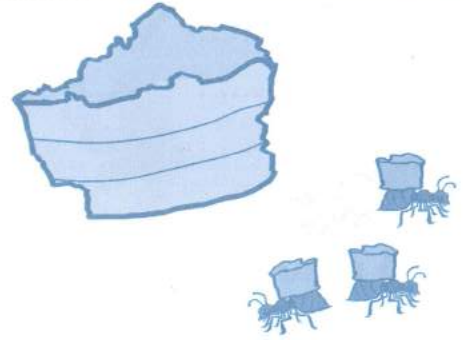
Có 



- =



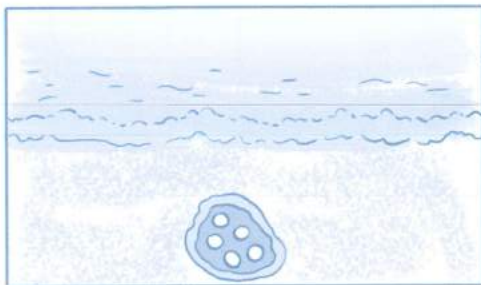
- =




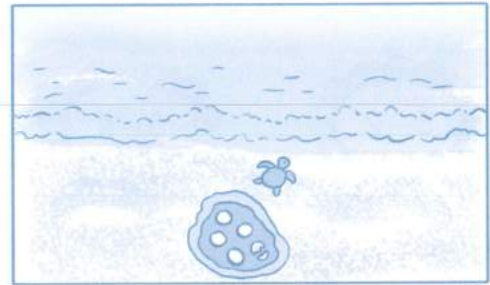
- =

b) Xem tranh rồi tập kể chuyện theo mỗi phép tính trên.

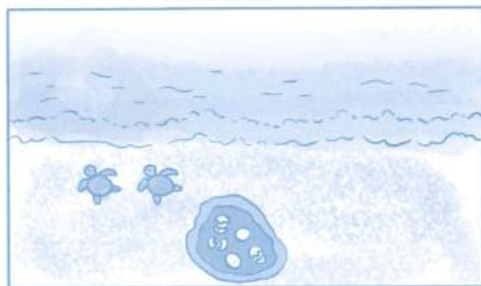
6 a) **Số?**



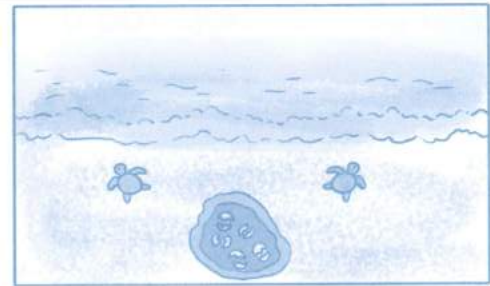
Có 



- =



- =



- =

b) Xem tranh rồi tập kể chuyện theo mỗi phép tính trên.

1 SỐ?



$$8 - 3 = \square$$



$$9 - 1 = \square$$



$$7 - 5 = \square$$



$$10 - 7 = \square$$



$$10 - 4 = \square$$



$$9 - 6 = \square$$

2 Tính:

$$10 - 5 = \dots\dots$$

$$9 - 8 = \dots\dots$$

$$9 - 2 = \dots\dots$$

$$10 - 0 = \dots\dots$$

$$7 - 3 = \dots\dots$$

$$8 - 7 = \dots\dots$$

$$6 - 3 = \dots\dots$$

$$10 - 10 = \dots\dots$$

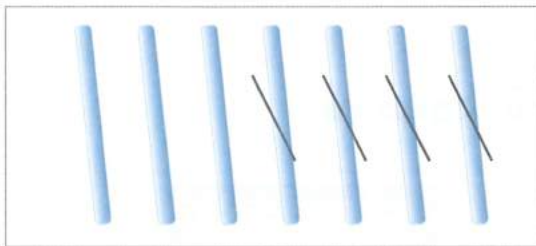
$$7 - 6 = \dots\dots$$

$$6 - 1 = \dots\dots$$

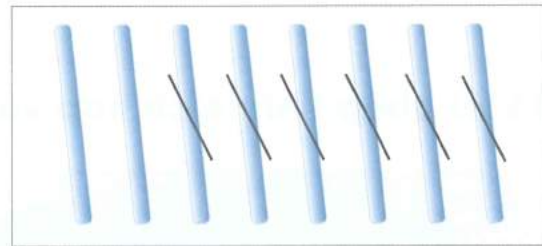
$$8 - 5 = \dots\dots$$

$$10 - 3 = \dots\dots$$

3 SỐ?



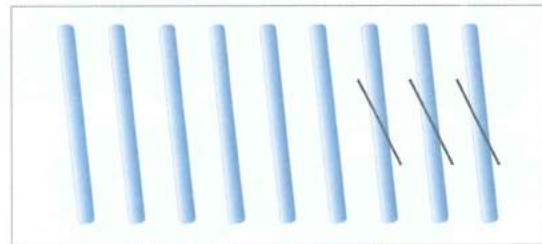
$$7 - \square = \square$$



$$8 - \square = \square$$



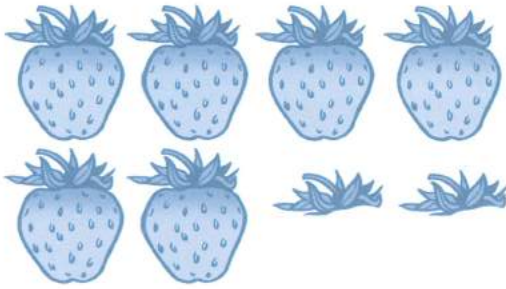
$$10 - \square = \square$$



$$9 - \square = \square$$

4 Số ?

a)



$$\square - \square = \square$$

b)



$$\square - \square = \square$$

c)



$$\square - \square = \square$$

d)



$$\square - \square = \square$$

5 Bớt hình tròn cho phù hợp với phép tính:

$$10 - 6$$



$$7 - 2$$



$$8 - 1$$



$$10 - 9$$



6 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:



$$\square \bigcirc \square = \square$$



$$\square \bigcirc \square = \square$$

1 Tính nhẩm:

$8 - 5 = \dots$

$7 - 6 = \dots$

$8 - 3 = \dots$

$8 - 0 = \dots$

$7 - 1 = \dots$

$10 - 3 = \dots$

$6 - 2 = \dots$

$7 - 0 = \dots$

$9 - 8 = \dots$

$8 - 4 = \dots$

$10 - 9 = \dots$

$9 - 0 = \dots$

2 Tô màu các phép tính có kết quả là 3:

$5 - 2$

$7 - 4$

$9 - 5$

$8 - 1$

$4 - 1$

$3 - 3$

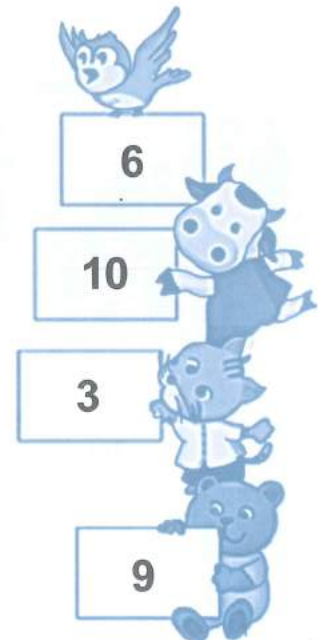
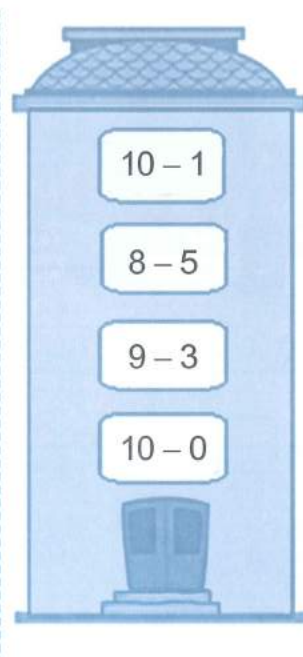
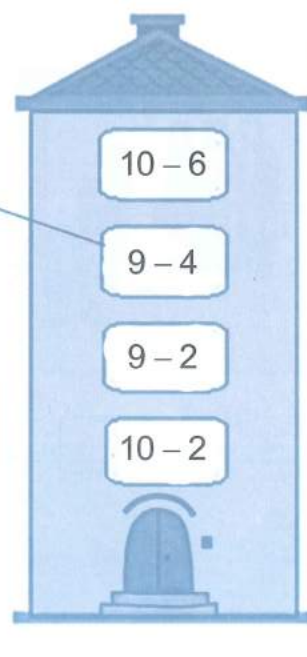
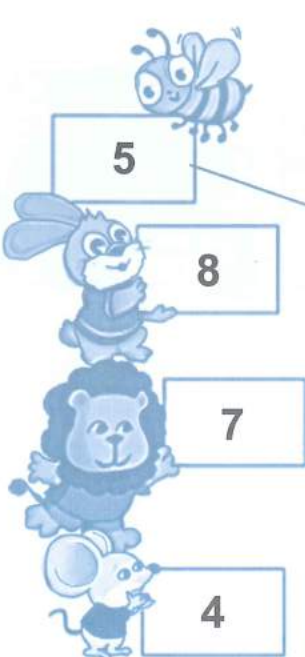
$10 - 7$

$9 - 6$

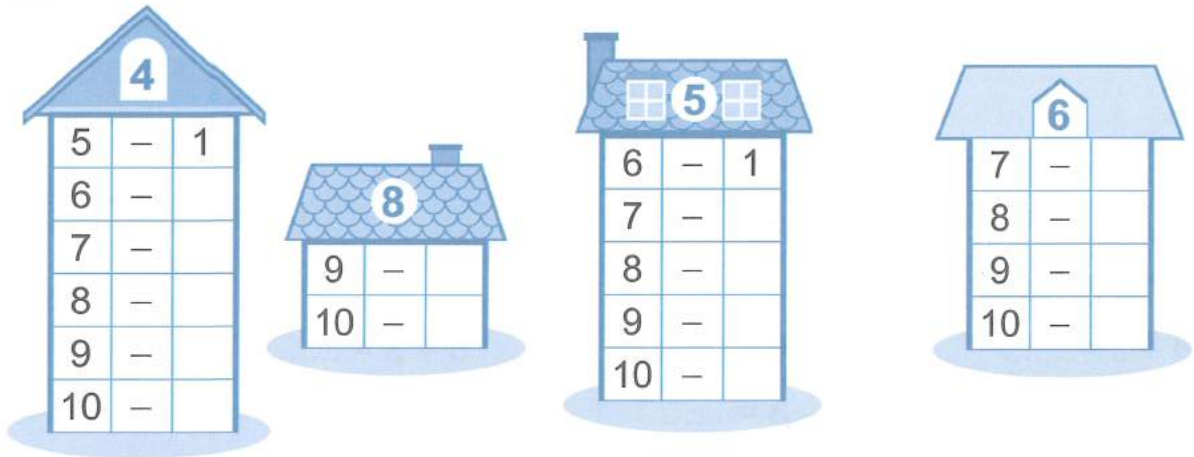
$6 - 3$



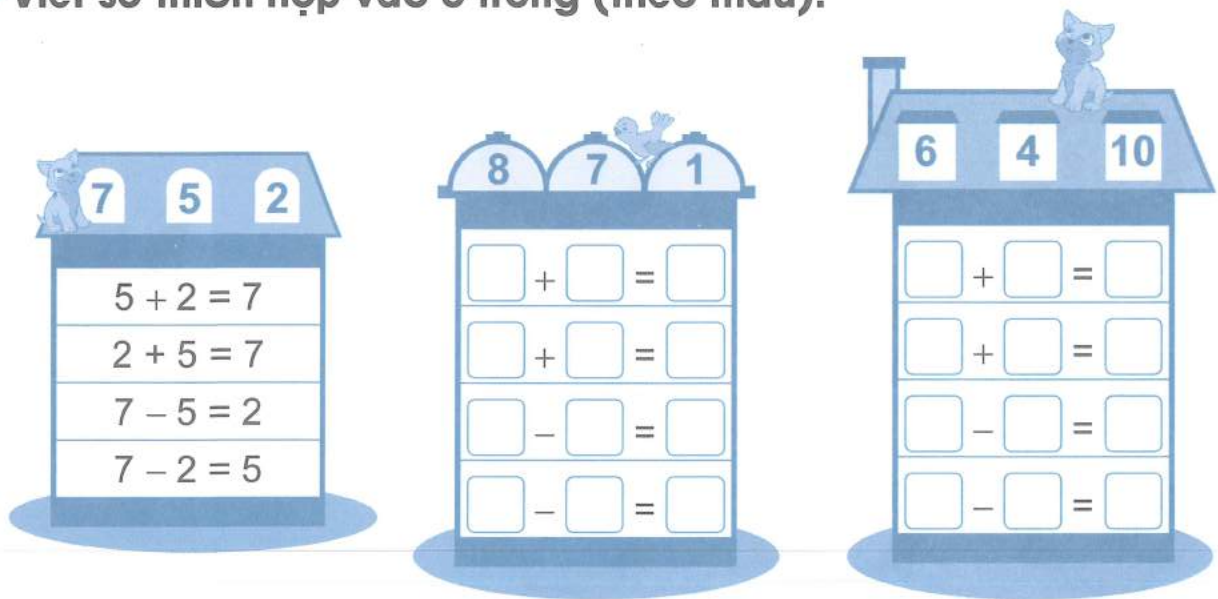
3 Nói (theo mẫu):



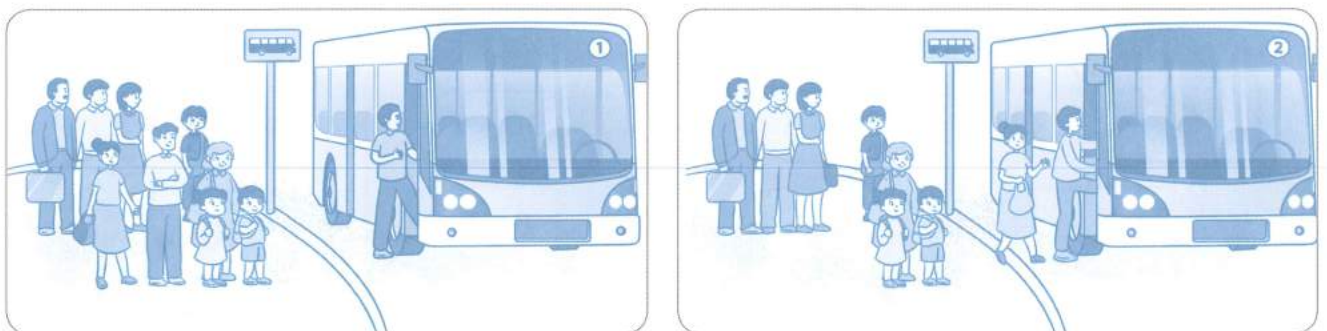
4 SỐ ?



5 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):



6 SỐ ?



$$10 - \square = \square$$

$$\square - 2 = \square$$

1 Số?

$6 + 1 = \square$

$3 + \square = 8$

$4 + \square = 9$

$2 + \square = 10$

$7 - 1 = \square$

$8 - \square = 3$

$9 - \square = 4$

$10 - \square = 2$

2 Số?

a)



$7 + \square = 10$

b)



$10 - \square = 8$

3 Tô số chấm đen còn thiếu và viết số thích hợp:

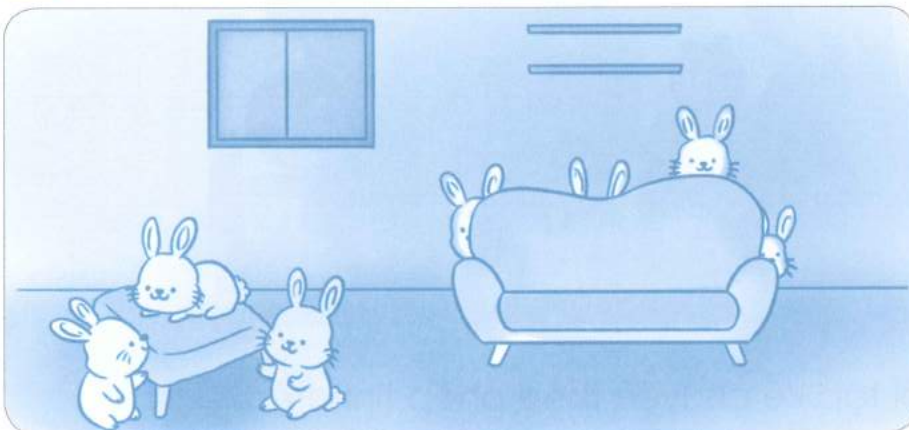


$1 + \square = 9$



$6 + \square = 10$

4 Số?



$3 + \square = 7$

5 SỐ ?



$4 + 5 = \square$

$5 + 4 = \square$

$9 - 5 = \square$

$9 - 4 = \square$

6 a) SỐ ?

$10 - \square = 8$



b) Xem tranh rồi tập kể chuyện theo phép tính trên.

7 a) SỐ ?



$10 - \square = 1$

b) Xem tranh rồi tập kể chuyện theo phép tính trên.

1 Số?



$4 + 2 + 1 = \square$

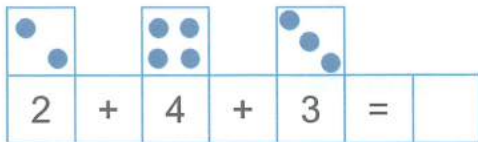


$3 + 2 + 2 = \square$

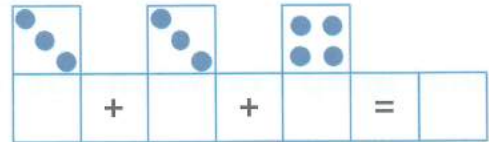


$5 + 1 + 1 = \square$

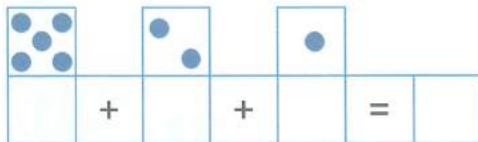
2 Số?



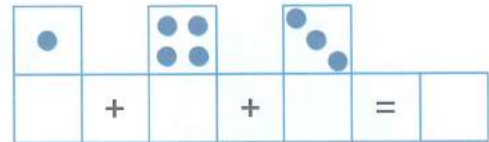
$2 + 4 + 3 = \square$



$\square + \square + \square = \square$



$\square + \square + \square = \square$



$\square + \square + \square = \square$

3 Tính:

a) $1 + 1 + 1 = \dots$

$2 + 2 + 1 = \dots$

$5 + 1 + 1 = \dots$

$1 + 1 + 2 = \dots$

$2 + 1 + 3 = \dots$

$7 + 1 + 2 = \dots$

b) $4 - 1 - 1 = \dots$

$8 - 3 - 1 = \dots$

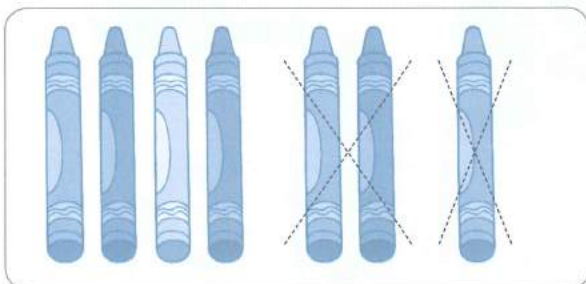
$5 - 4 - 1 = \dots$

$7 - 2 - 2 = \dots$

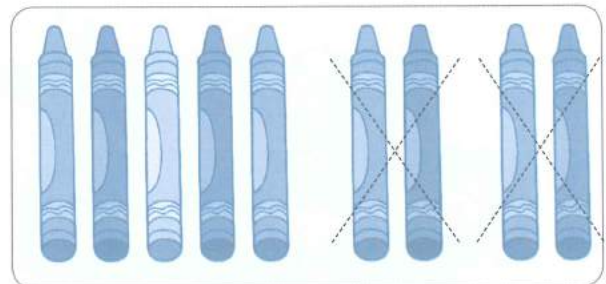
$9 - 2 - 3 = \dots$

$6 - 3 - 3 = \dots$

4 Tính:



$7 - 1 - 2 = \dots$



$9 - 2 - 2 = \dots$

5 Nối phép tính với kết quả thích hợp:

$7 - 1 - 2$

$4 + 2 + 1$

$1 + 3 + 1$

$5 - 1 - 1$



6 Số ?

$4 + 2 \rightarrow \bigcirc + 4 \rightarrow \bigcirc$

$6 - 2 \rightarrow \bigcirc - 4 \rightarrow \bigcirc$

$9 - 6 \rightarrow \bigcirc + 4 \rightarrow \bigcirc$

$5 + 3 \rightarrow \bigcirc + 1 \rightarrow \bigcirc$

$10 - 1 \rightarrow \bigcirc - 3 \rightarrow \bigcirc$

$8 + 2 \rightarrow \bigcirc - 6 \rightarrow \bigcirc$

7 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)



b)



1 Tính:

$4 + 3 = \dots\dots$

$8 + 2 = \dots\dots$

$6 + 3 = \dots\dots$

$3 + 4 = \dots\dots$

$2 + 8 = \dots\dots$

$3 + 6 = \dots\dots$

$7 - 3 = \dots\dots$

$10 - 2 = \dots\dots$

$9 - 3 = \dots\dots$

$7 - 4 = \dots\dots$

$10 - 8 = \dots\dots$

$9 - 6 = \dots\dots$

2 Viết dấu +, dấu - thích hợp vào ô trống:

$4 \square 3 = 7$

$8 \square 2 = 6$

$7 \square 5 = 2$

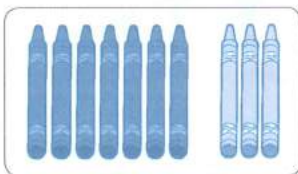
$1 \square 7 = 8$

$5 \square 0 = 5$

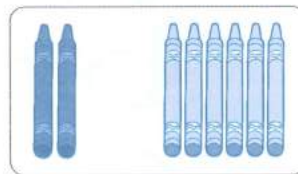
$5 \square 5 = 10$

3 Số?

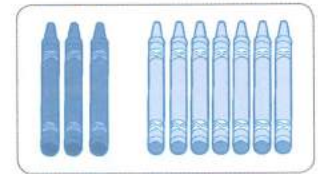
a)



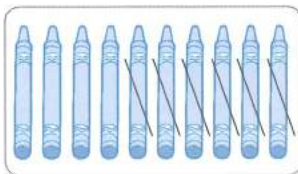
$7 + \square = 10$



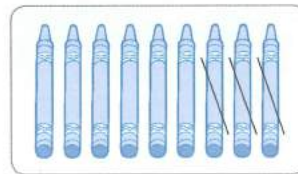
$2 + \square = 8$



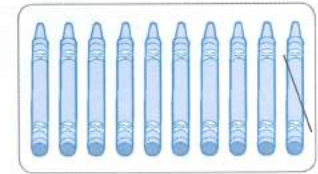
$3 + \square = 10$



$10 - \square = 4$



$9 - \square = 6$



$10 - \square = 9$

b)

$4 + \square = 10$

$3 + \square = 9$

$10 - \square = 3$

$8 - \square = 4$

$5 + \square = 7$

$9 - \square = 9$

4

$\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

$3 + 4 \square 8$

$1 + 5 \square 6$

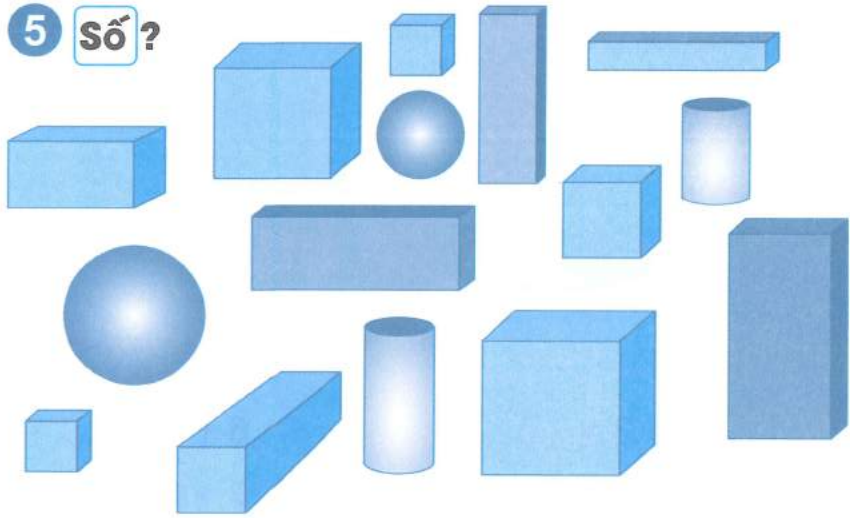
$10 - 1 \square 0$

$8 + 2 \square 10$

$10 - 0 \square 1$

$2 - 2 \square 2$

5 Số?



Hình bên có:

- Khối lập phương
- Khối hộp chữ nhật

6 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:

a)

\circ =

b)

\circ \circ =

7 Viết các phép tính thích hợp từ các số đã cho (theo mẫu):

9

	4 + 5		
0			
4	7		
1			
2	8		
6			
5			
9	3		

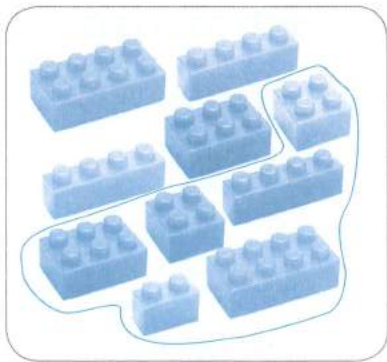
5

	10 - 5		
0	7	6	
4	8	9	
1			
2	5	3	
10			

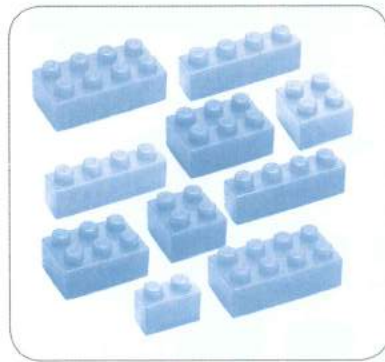
1 a) Số ?



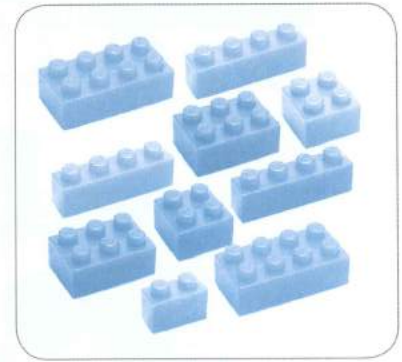
b) Khoanh vào số lego thích hợp (theo mẫu):



6



8



7

2 a)

$\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

4 5

7 7

9 3

10 6

8 + 2 6

9 - 1 10

b) Viết các số 8, 3, 10, 4 theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....;;;

3) Viết dấu +, dấu - hoặc số thích hợp vào ô trống:

5 ○ 4 = 1

10 ○ 6 = 4

9 ○ 1 = 10

7 ○ 7 = 0

8 ○ = 10

6 ○ = 10

3 ○ = 10

1 ○ = 10

10 ○ 7 =

10 ○ 5 =

10 ○ = 7

10 ○ = 8

4 Nối phép tính với kết quả thích hợp:



$9 - 3 - 2$

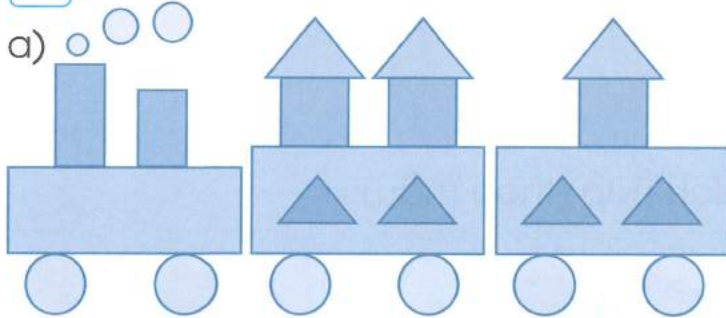
$10 - 5 - 1$

$7 + 1 + 1$

$5 + 3 + 1$

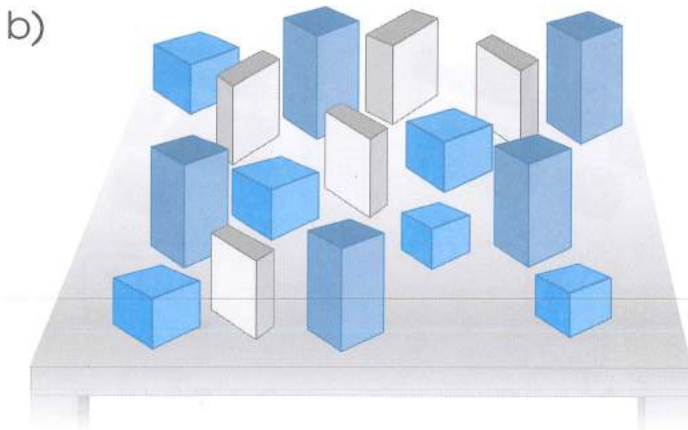


5 Số ?



Hình bên có:

- Hình vuông
- Hình tròn
- Hình tam giác
- Hình chữ nhật



Trên bàn có:

- Khối lập phương
- Khối hộp chữ nhật

6 Viết phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ:



○ =



○ =



○ ○ =

1 Nối (theo mẫu):



15



16



17



18

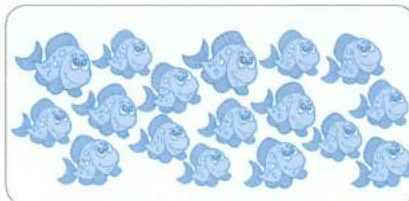


19

20

2 Số ?



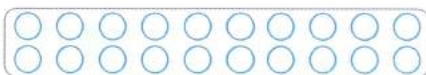




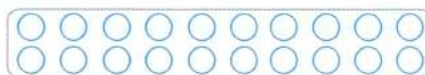
3 Tô màu vào số chấm tròn thích hợp (theo mẫu):



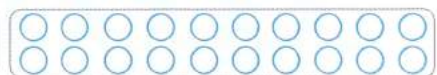
17



14



15

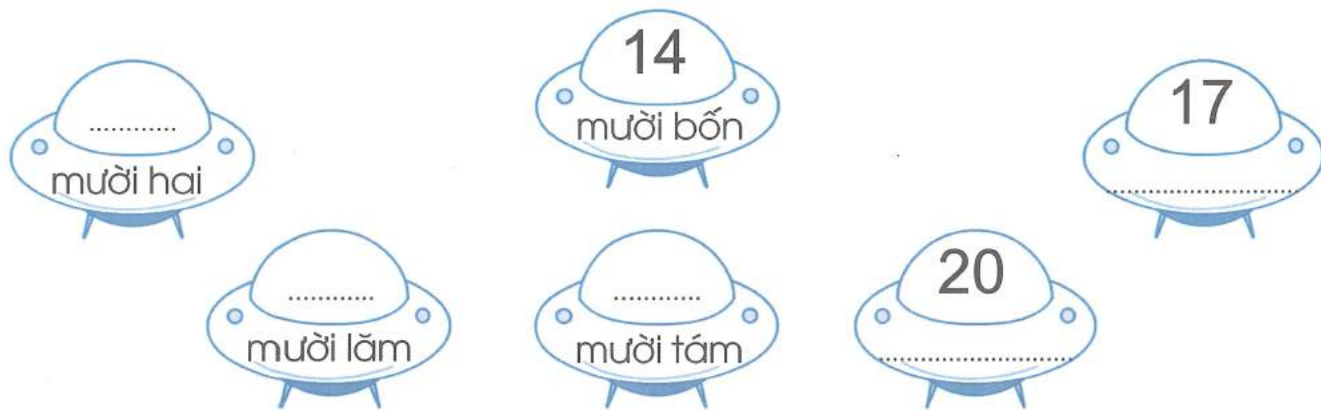


20

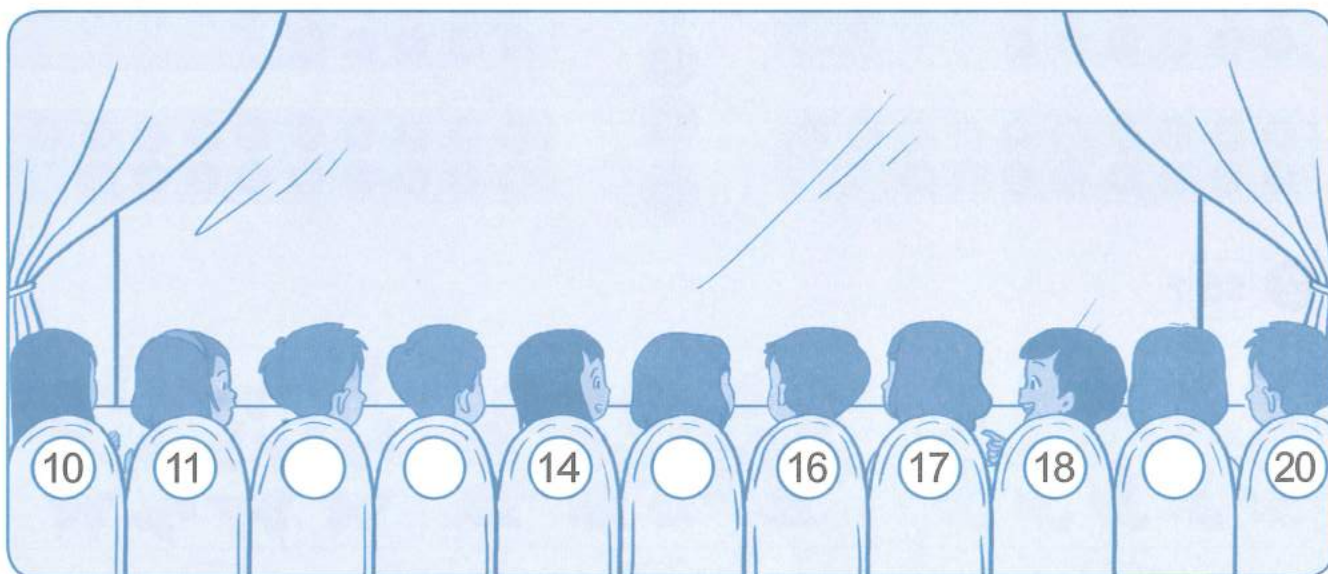
4 Số ?



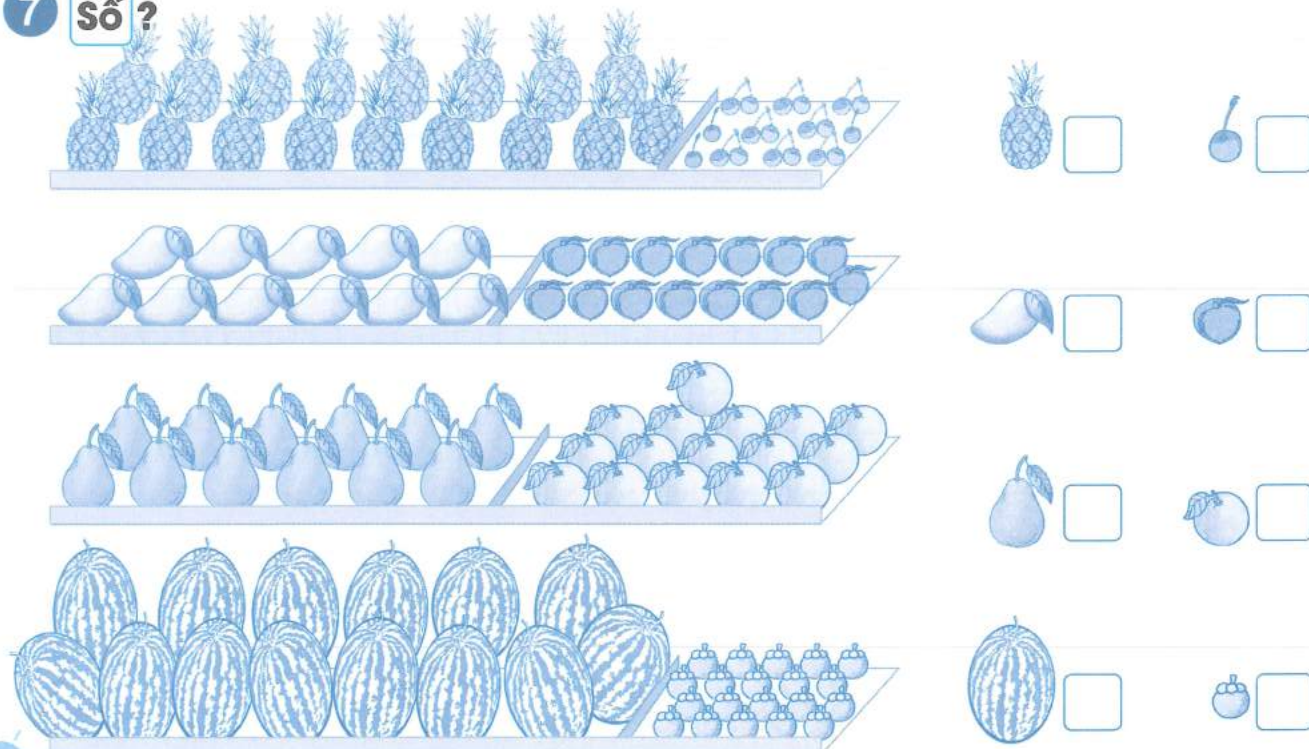
5 Viết và đọc số thích hợp (theo mẫu):



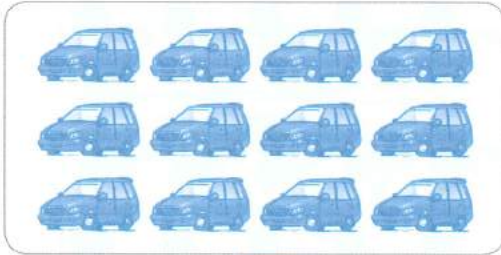
6 Số ?



7 Số ?

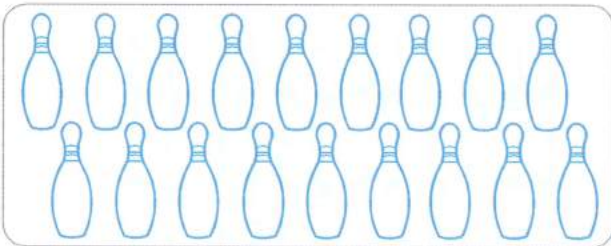


1 SỐ?

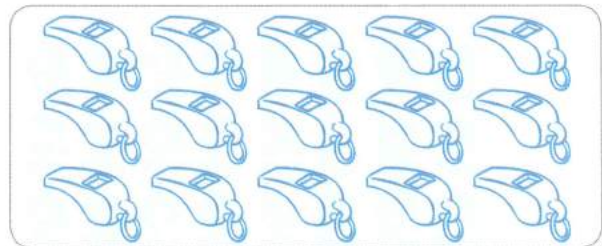




2 Tô màu vào số đồ vật thích hợp:



16



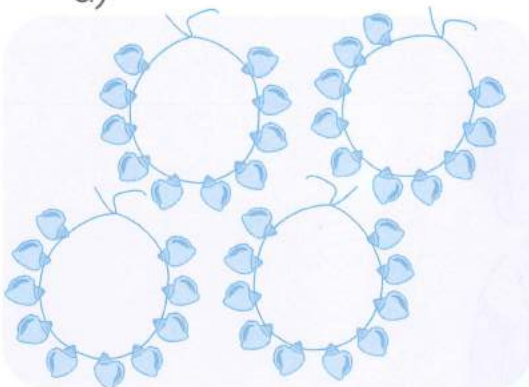
14

3 SỐ?

1		3		5		7		9		11		13	15
												18	

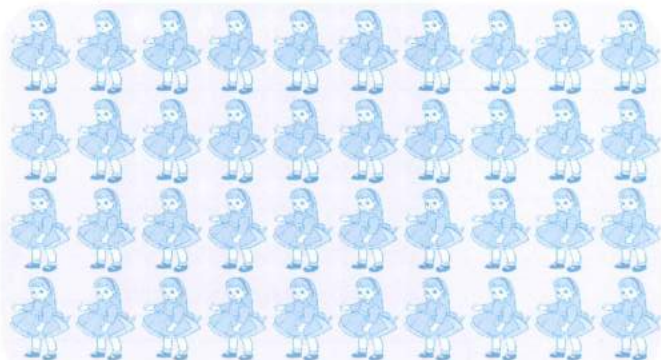
4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a)



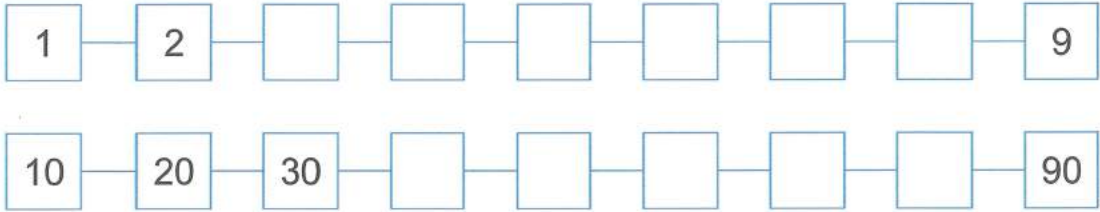
Có tất cả vỏ ốc.

b)



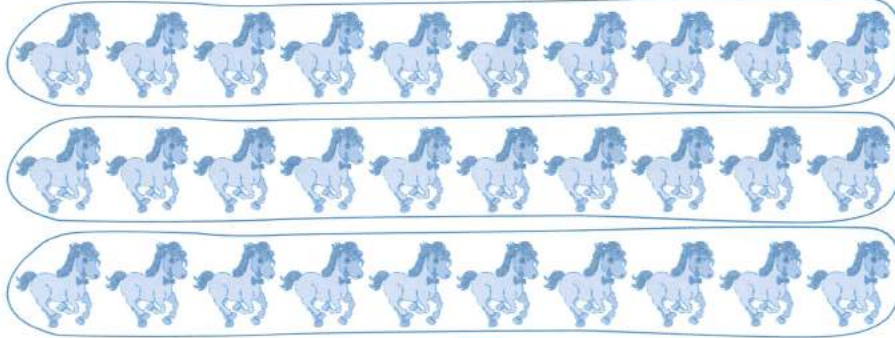
Có tất cả búp bê.

5 Số ?



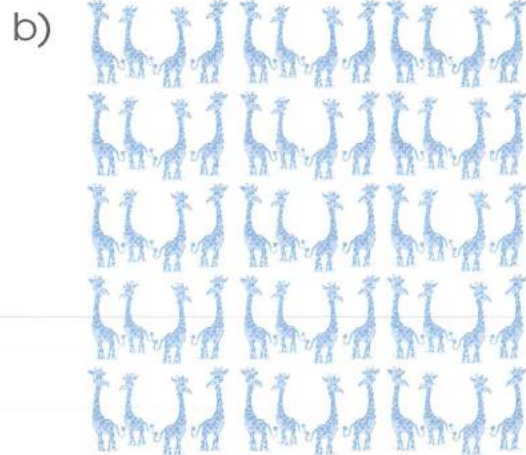
6 Khoanh vào các nhóm 10 con vật rồi viết số thích hợp (theo mẫu):

Mẫu:



30

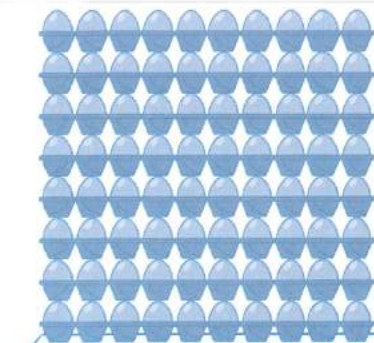
ba mươi



.....

.....

7 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

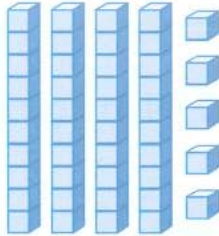


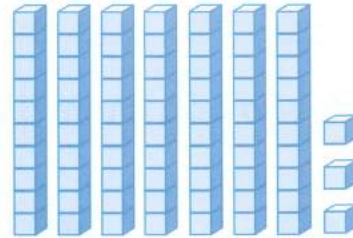
Có tất cả quả trứng.

Nhận xét của giáo viên:

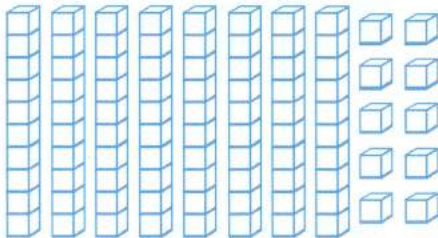
.....

1 a) Số ?

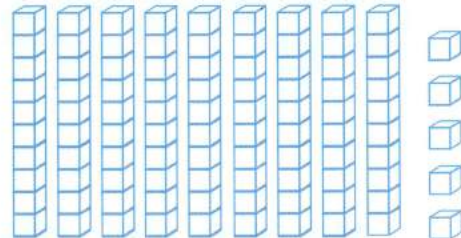




b) Tô màu số khối lập phương thích hợp:



67



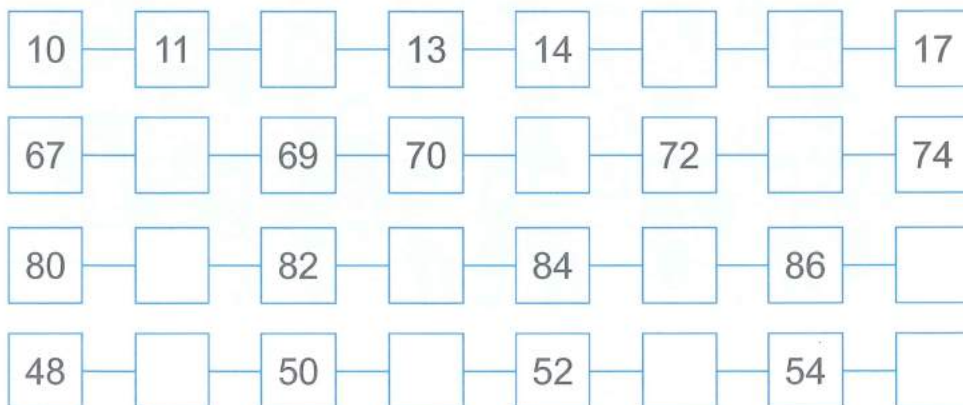
90

2 Viết và đọc số (theo mẫu):

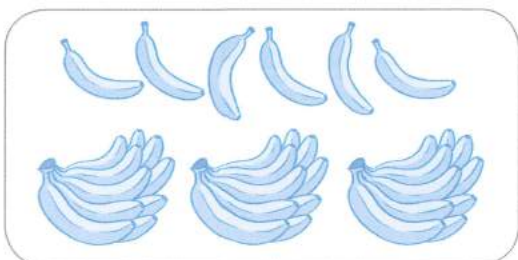
Viết số	Đọc số
31	ba mươi mốt
15	
	bốn mươi lăm
	bảy mươi

Viết số	Đọc số
66	
	bốn mươi tư
99	
84	

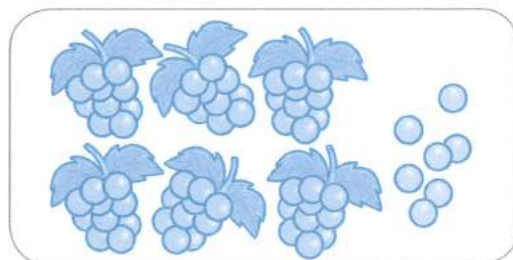
3 Số ?



4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



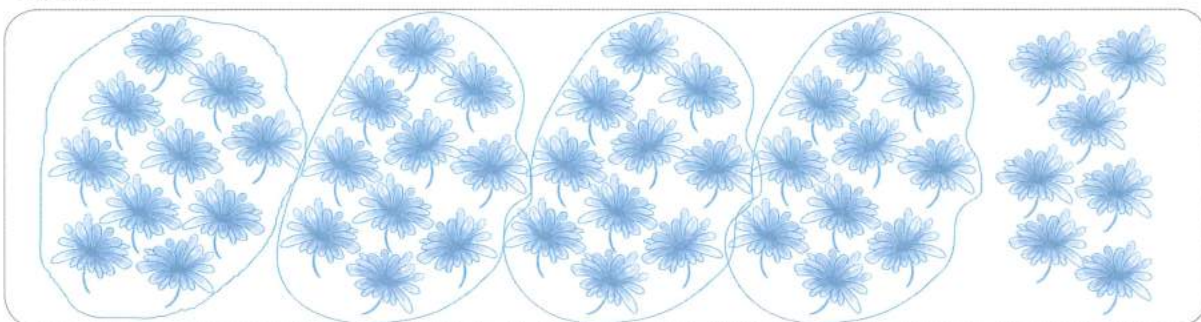
Có tất cả quả chuối.



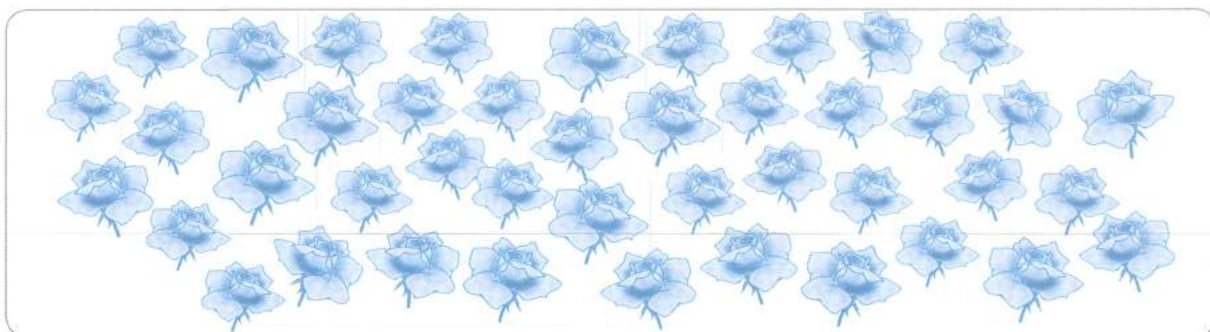
Có tất cả quả nho.

5 Khoanh vào các nhóm 10 bông hoa rồi viết số thích hợp (theo mẫu):

Mẫu:

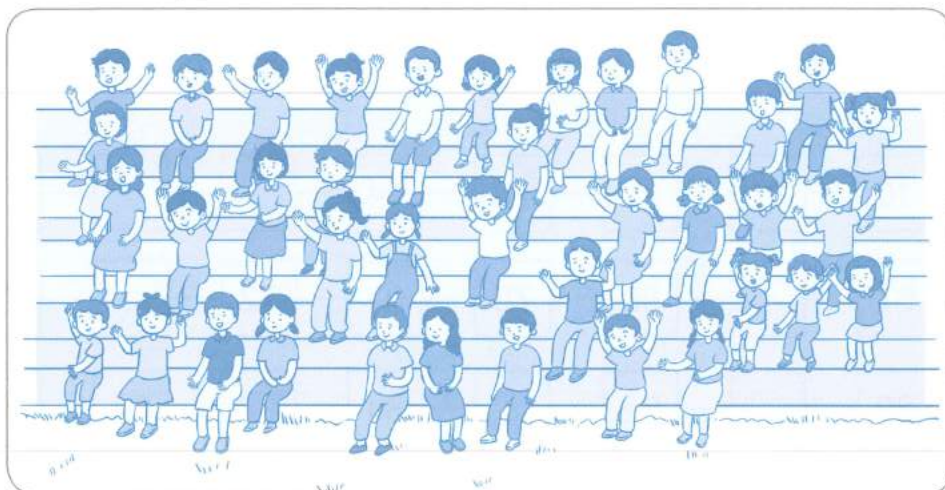


Có tất cả 47 bông hoa.



Có tất cả bông hoa.

6 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:





































Trong bức tranh trên có tất cả người.

Nhận xét của giáo viên:

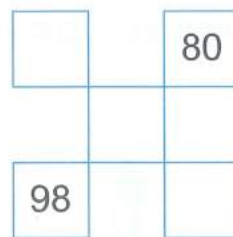
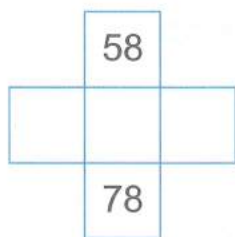
.....

1 Mỗi con côn trùng ở vị trí nào?

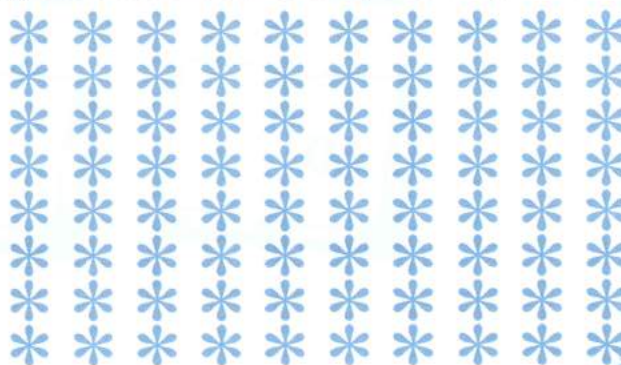
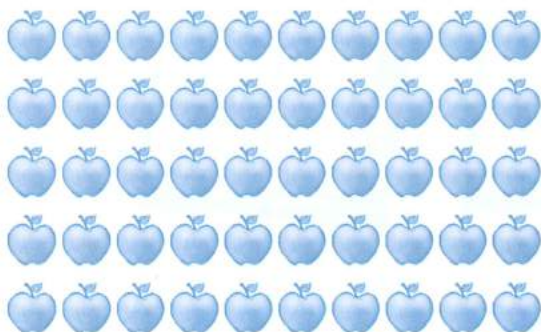
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11		13	14	15		17		19	20
21	22			25				29	30
31					36	37		39	40
41		43					48	49	
		53	54	55					60
61								69	70
71	72				76	77			80
		83		85					90
91				95				99	100

	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		

2 Quan sát Bảng các số từ 1 đến 100, viết số thích hợp vào ô trống:



3 a) Khoanh vào 2 chục quả táo: b) Khoanh vào 6 chục bông hoa:



4 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

a) Số 17 gồm chục và đơn vị.

Số 30 gồm chục và đơn vị.

Số 66 gồm chục và đơn vị.

Số 89 gồm chục và đơn vị.

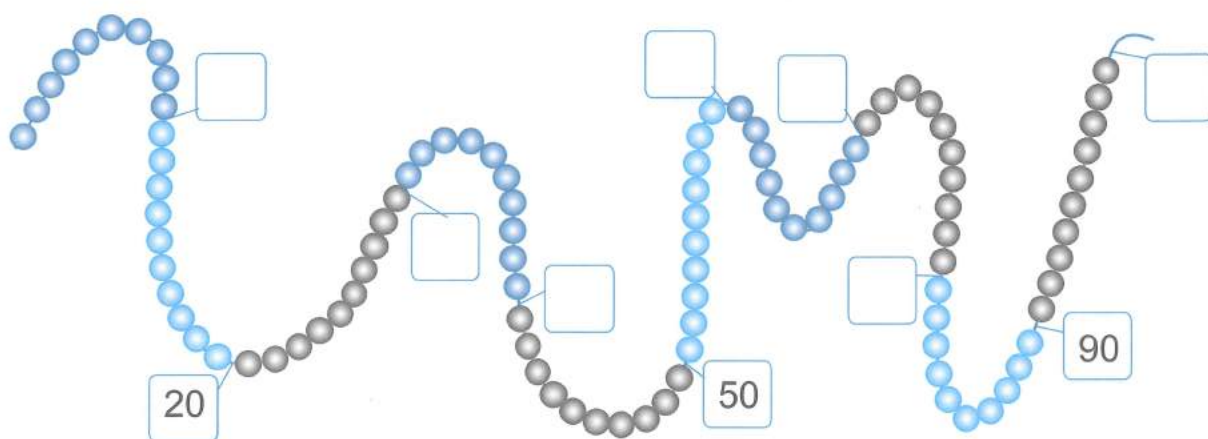
b) Số gồm 1 chục và 6 đơn vị là số

Số gồm 7 chục và 5 đơn vị là số

Số gồm 8 chục và 8 đơn vị là số

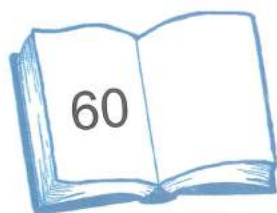
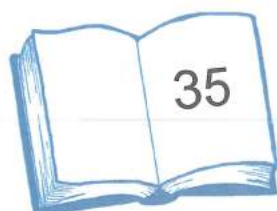
Số gồm 6 chục và 0 đơn vị là số

5 **Viết số thích hợp vào ô trống:**



Có tất cả hạt vòng.

6 **Đánh số các trang sách còn trống cho thích hợp:**



Nhận xét của giáo viên:

.....

1 a) Số ?

1		3		5	6		8		10
11		13		15	16		18		20
21		23		25	26		28		30
31		33		35	36		38		40
41		43		45	46		48		50

b) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

5 13
 21 21

28 19
 37 42

20 50
 49 11

2 a) Số ?

51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

b) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

57 60
 76 67

100 69
 84 84

96 51
 58 85

3 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

29 37
 55 45
 81 87

36 90
 86 69
 75 75

95 87
 100 85
 60 84

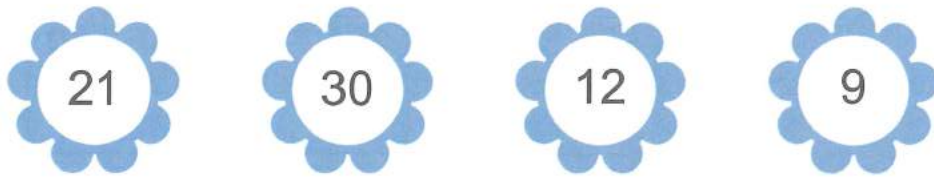
4 a) Khoanh vào số lớn nhất:



b) Khoanh vào số bé nhất:



5 Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:



.....;;;

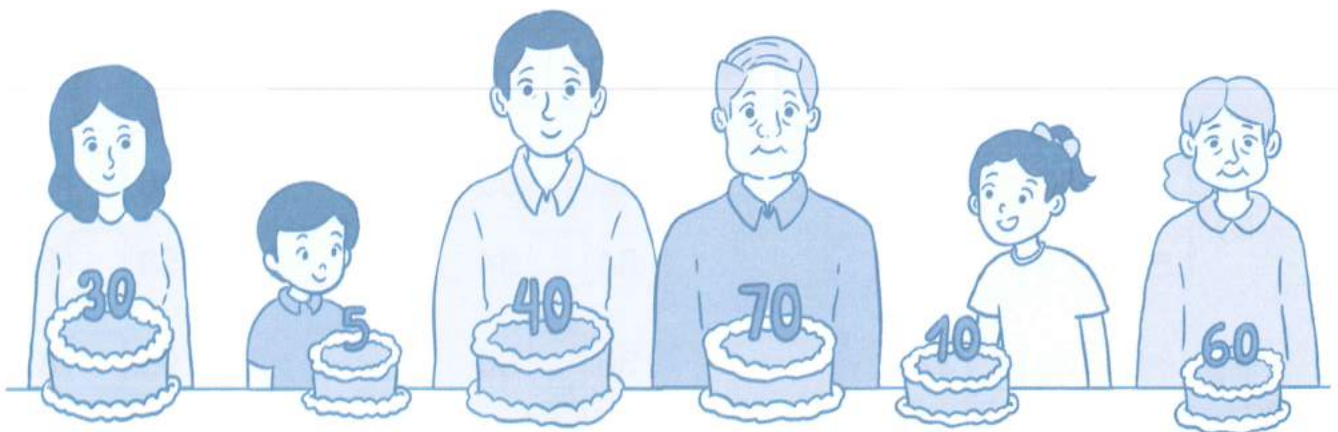
6 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Trang sách ở giữa trang
45 và 47 là trang

b) Trang sách ở giữa trang
89 và 91 là trang



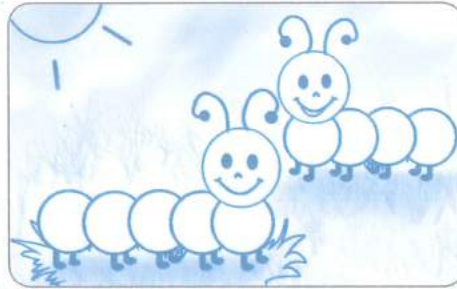
7 Viết các số 1, 2, 3, 4, 5, 6 vào ô trống theo thứ tự từ già đến trẻ:



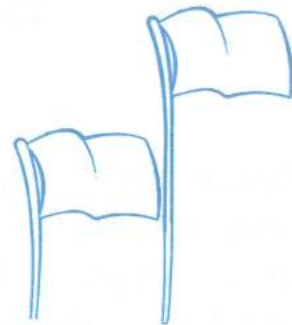
1 Đánh dấu **x** vào ô trống chỉ đồ vật dài hơn:



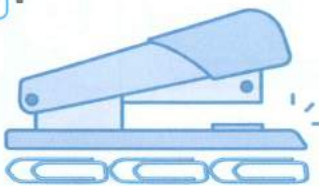
2 Tô màu vào con vật ngắn hơn:



3 Tô màu vào đồ vật cao hơn:



4 Số ?



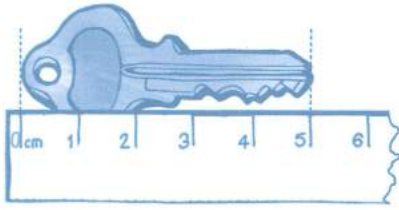
Dập ghim giấy dài khoảng 



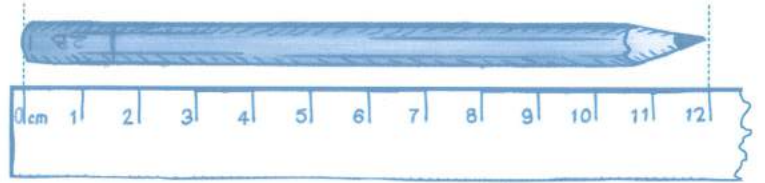
Túi xách dài khoảng



5 Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm:

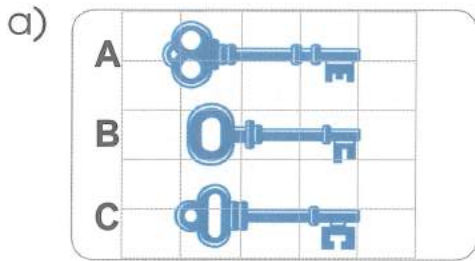


Chìa khoá dài



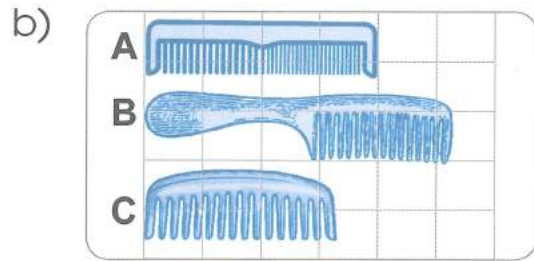
Bút chì dài

6 Điền từ "dài nhất", "ngắn nhất" vào chỗ chấm:



Chìa khoá A

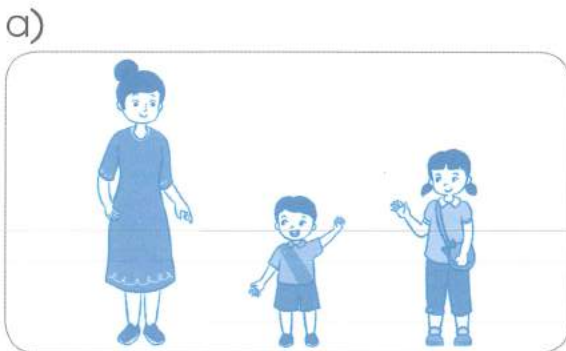
Chìa khoá B



Cái lược B

Cái lược C

7 Xem tranh và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

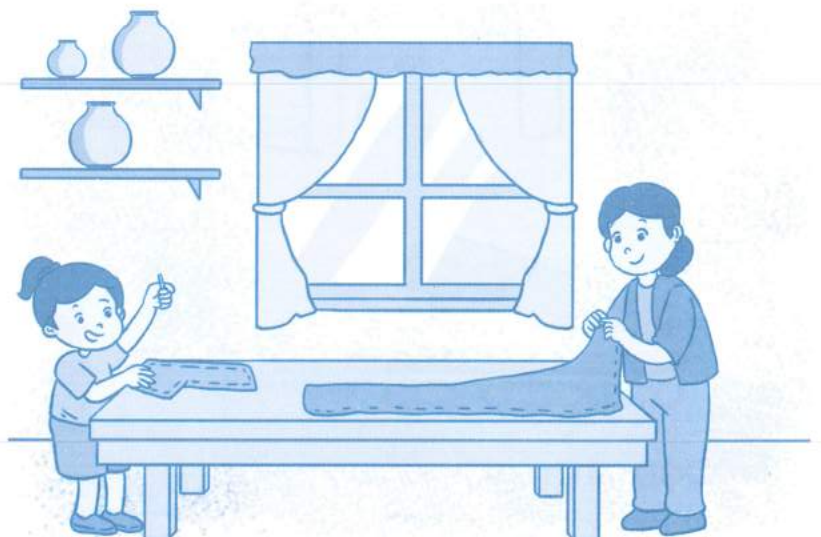


Khoanh vào người cao nhất.



Khoanh vào người thấp nhất.

8 Quan sát tranh sử dụng những từ "dài hơn", "ngắn hơn", "cao hơn", "thấp hơn" để kể những gì em thấy.



Nhận xét của giáo viên:

.....

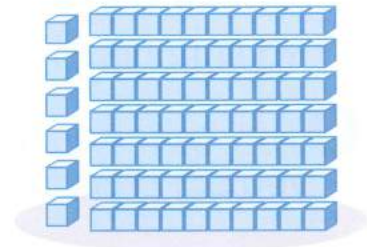
1 SỐ ?

11	12	○	14	○	16	○	18	19	20
41	○	43	○	45	○	47	○	49	50
61	○	63	○	65	○	67	○	69	70

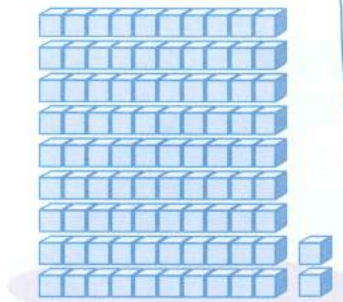
2 Nối (theo mẫu):



bảy mươi sáu



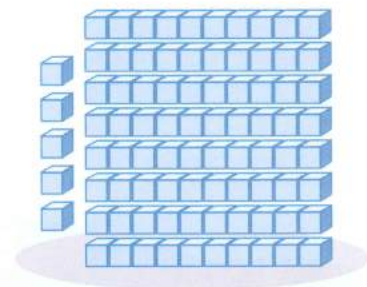
chín mươi hai



tám mươi lăm



hai mươi tư



3 Viết vào chỗ chấm (theo mẫu):

a) 31 gồm 3 chục và 1 đơn vị.

54 gồm và

79 gồm và

95 gồm và

b) Số gồm 2 chục và 6 đơn vị viết là 26.

Số gồm 4 chục và 8 đơn vị viết là

Số gồm 6 chục và 0 đơn vị viết là

Số gồm 8 chục và 3 đơn vị viết là

4 a) Khoanh vào số lớn nhất:

65, 75, 64, 48

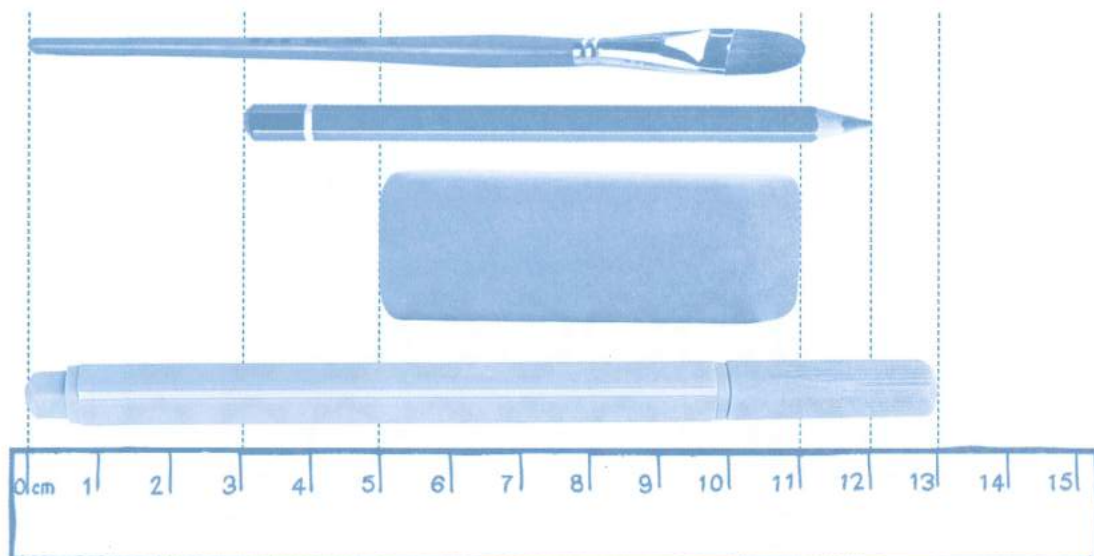
b) Khoanh vào số bé nhất:

78, 89, 98, 99

c) Viết các số 51, 23, 32, 15 theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....;;;

5 Đọc và ghi số đo độ dài của các vật sau:



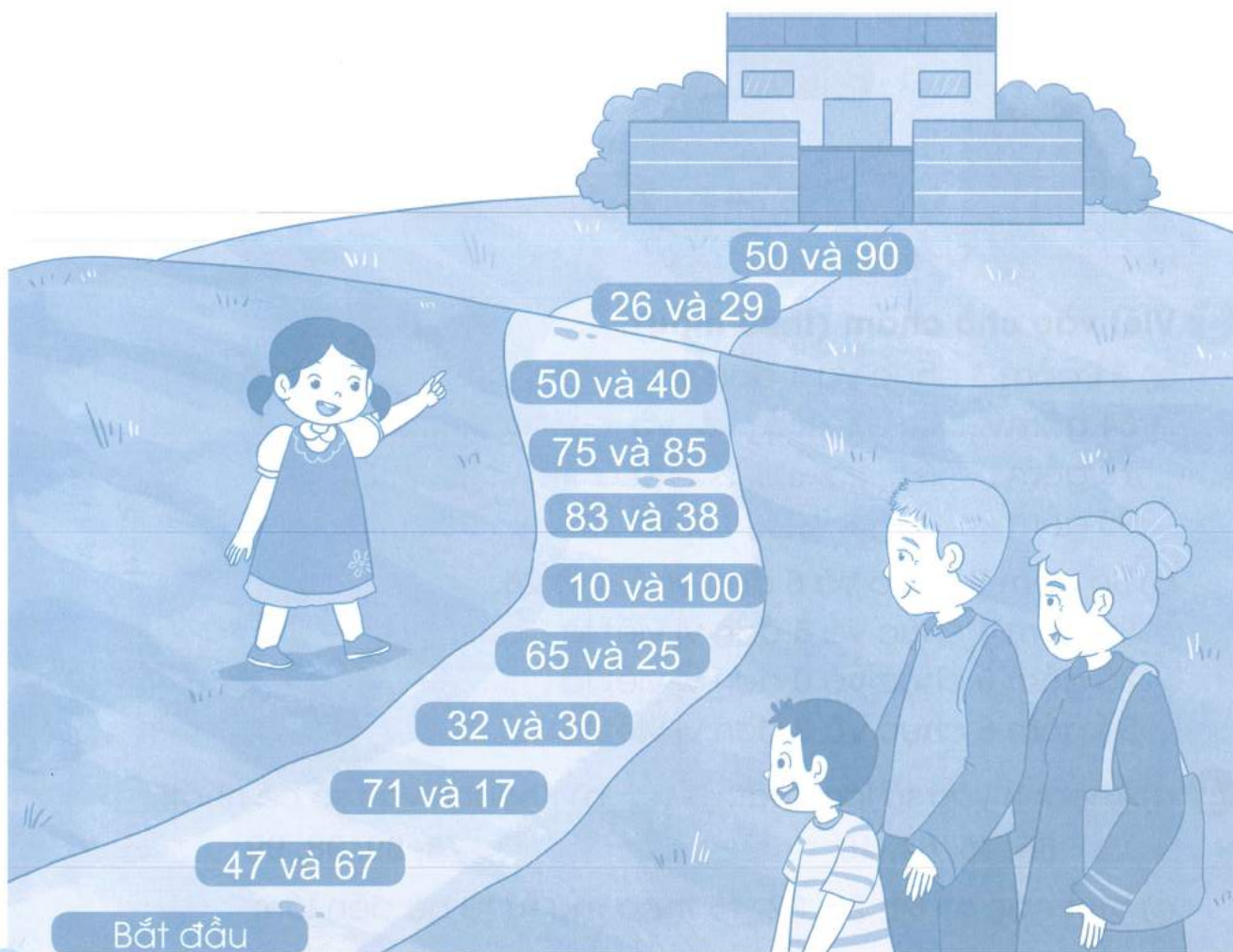
a) Cây cọ vẽ dài cm.

b) Viên tẩy dài cm.

c) Bút chì dài cm.

d) Bút màu dài cm.

6 Hãy giúp bạn My tìm đường đưa ông bà và em nhỏ về ngôi nhà thân yêu bằng cách khoanh vào số lớn hơn và đi lên.



1 Tính nhẩm:

$13 + 4 = \dots$

$11 + 5 = \dots$

$15 + 2 = \dots$

$12 + 6 = \dots$

$16 + 3 = \dots$

$17 + 2 = \dots$

$14 + 4 = \dots$

$12 + 5 = \dots$

2 Nối kết quả đúng với mỗi phép tính:

11

13

17

16

19

12

$11 + 2$

$18 - 7$

$15 + 4$

$16 - 4$

$12 + 4$

$19 - 2$

3 Tính nhẩm:

$16 - 1 = \dots$

$17 - 2 = \dots$

$14 - 4 = \dots$

$18 - 3 = \dots$

$13 - 2 = \dots$

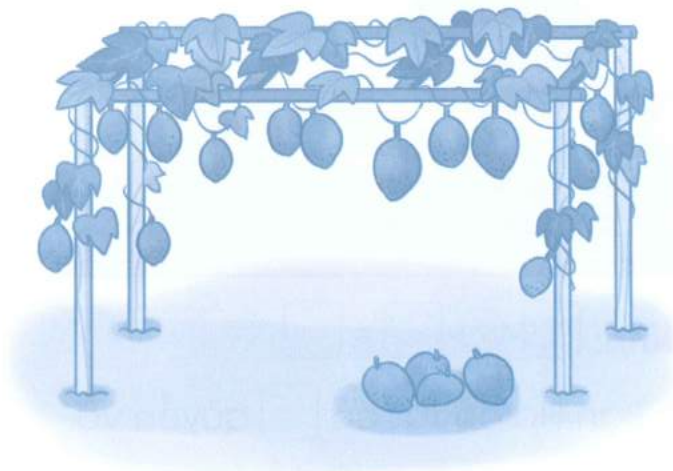
$19 - 5 = \dots$

$15 - 3 = \dots$

$16 - 5 = \dots$

4 Xem tranh rồi viết phép tính thích hợp:

a)



$\square \bigcirc \square = \square$

$\square \bigcirc \square = \square$

b)



$$\square \circ \square = \square$$

$$\square \circ \square = \square$$

5 Điền số thích hợp vào ô trống:

$$16 \xrightarrow{+2} \square \xrightarrow{-5} \square \xrightarrow{+6} \square \xrightarrow{-4} \square \xrightarrow{+3} \square$$

6 Tính:

$12 + 3 + 2 = \dots\dots$

$14 - 2 - 1 = \dots\dots$

$18 - 5 + 3 = \dots\dots$

$16 + 2 + 1 = \dots\dots$

$19 - 3 - 4 = \dots\dots$

$15 + 4 - 6 = \dots\dots$

7 Bạn Hà có 15 quyển vở, bạn Tuấn tặng bạn Hà 3 quyển vở. Hỏi bạn Hà có tất cả bao nhiêu quyển vở?



Phép tính: $\square \circ \square = \square$

Trả lời: Bạn Hà có tất cả \square quyển vở.

Nhận xét của giáo viên:

.....

1 Tính:

$15 + 2 = \dots\dots$

$17 - 4 = \dots\dots$

$16 + 3 = \dots\dots$

$19 - 5 = \dots\dots$

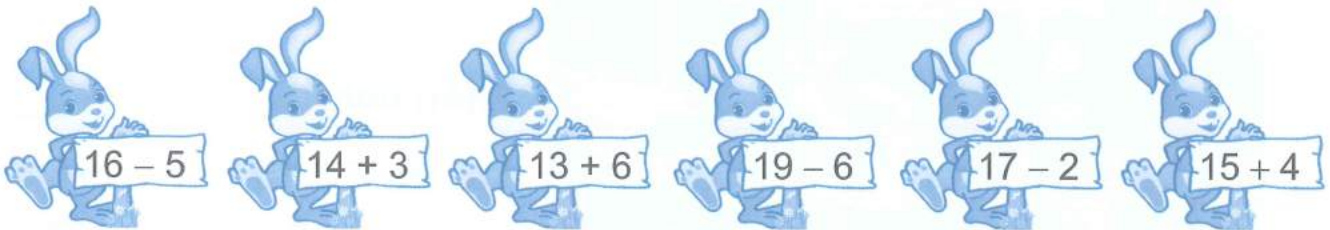
$12 - 2 = \dots\dots$

$13 + 5 = \dots\dots$

$14 - 3 = \dots\dots$

$11 + 7 = \dots\dots$

2 Nối kết quả đúng với mỗi phép tính:



3 $\begin{cases} > \\ < \\ = \end{cases}$?

$16 - 5 \square 13 + 2$

$14 + 3 \square 18 - 4$

$16 - 3 \square 15 + 4$

$12 + 7 \square 11 + 5$

$13 + 4 \square 16 - 2$

$17 - 5 \square 19 - 7$

4 Điền số thích hợp vào ô trống:

$15 \xrightarrow{-3} \square \xrightarrow{+4} \square \xrightarrow{-5} \square \xrightarrow{+6} \square \xrightarrow{-7} \square$

5 Tính:

$50 + 40 = \dots\dots$

$90 - 60 = \dots\dots$

$40 + 30 = \dots\dots$

$80 - 20 = \dots\dots$

$60 + 30 = \dots\dots$

$80 - 50 = \dots\dots$

$70 - 40 = \dots\dots$

$40 + 40 = \dots\dots$

6 Số?

$20 + \square = 50$

$30 + \square = 70$

$10 + \square = 80$

$90 - \square = 50$

$60 - \square = 20$

$50 - \square = 10$

$80 - \square = 30$

$70 - \square = 20$

7 Tính:

$$50 \xrightarrow{+10} \square \xrightarrow{-40} \square \xrightarrow{+\square} 60 \xrightarrow{-30} \square \xrightarrow{-20} \square \xrightarrow{+\square} 50$$

- 8** Trong buổi tham gia hoạt động trải nghiệm thực tế tại trang trại, lớp 1A có 18 bạn tham gia trồng rau và bắt cá. Số bạn tham gia bắt cá là 6 bạn. Hỏi có bao nhiêu bạn tham gia trồng rau?



Phép tính: $\square \circ \square = \square$

Trả lời: Có tất cả \square bạn tham gia trồng rau.

- 9** Nhà Lâm có 3 chục trứng gà. Mẹ bảo Lâm mang biếu bà 1 chục trứng. Hỏi nhà Lâm còn lại bao nhiêu quả trứng?



Phép tính: $\square \circ \square = \square$

Trả lời: Nhà Lâm còn lại \square quả trứng.

1 Đặt tính rồi tính:

$14 + 25$

.....

.....

.....

$43 + 26$

.....

.....

.....

$34 + 23$

.....

.....

.....

$42 + 16$

.....

.....

.....

2 Tính:



$$\begin{array}{r} + 35 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 62 \\ 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 31 \\ 8 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} + 43 \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

3 Đặt tính rồi tính:

$52 + 4$

.....

.....

.....

$63 + 2$

.....

.....

.....

$71 + 6$

.....

.....

.....

$84 + 5$

.....

.....

.....

4 Tính nhẩm:

$6 + 3 = \dots$

$26 + 3 = \dots$

$4 + 2 = \dots$

$54 + 2 = \dots$

$3 + 5 = \dots$

$43 + 5 = \dots$

$5 + 4 = \dots$

$75 + 4 = \dots$



5 Nối phép tính với kết quả thích hợp:

$13 + 25$

$51 + 23$

$62 + 17$

$51 + 24$

$72 + 15$

87

38

75

74

79

- 6** Trong phong trào quyên góp sách vở ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 1A góp được 36 quyển vở, lớp 1B góp được 42 quyển. Hỏi cả hai lớp quyên góp được bao nhiêu quyển vở?



Phép tính: ○ =

Trả lời: Cả hai lớp quyên góp được quyển vở.

- 7** Giờ ra chơi nhóm đá cầu có 4 bạn, nhóm chơi mèo đuổi chuột có 13 bạn. Cả hai nhóm có tất cả bao nhiêu bạn?



Phép tính: ○ =

Trả lời: Cả hai nhóm có tất cả bạn.

1 Đặt tính rồi tính:

32 + 40

.....
.....
.....

64 + 30

.....
.....
.....

43 + 20

.....
.....
.....

28 + 60

.....
.....
.....

2 Tính:



$$\begin{array}{r} 45 \\ - 13 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 36 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 87 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 94 \\ - 42 \\ \hline \end{array}$$

.....

3 Đặt tính rồi tính:

45 - 12

.....
.....
.....

76 - 24

.....
.....
.....

64 - 32

.....
.....
.....

97 - 56

.....
.....
.....

4 Tính:

20 + 40 + 4 =

10 + 30 + 50 =

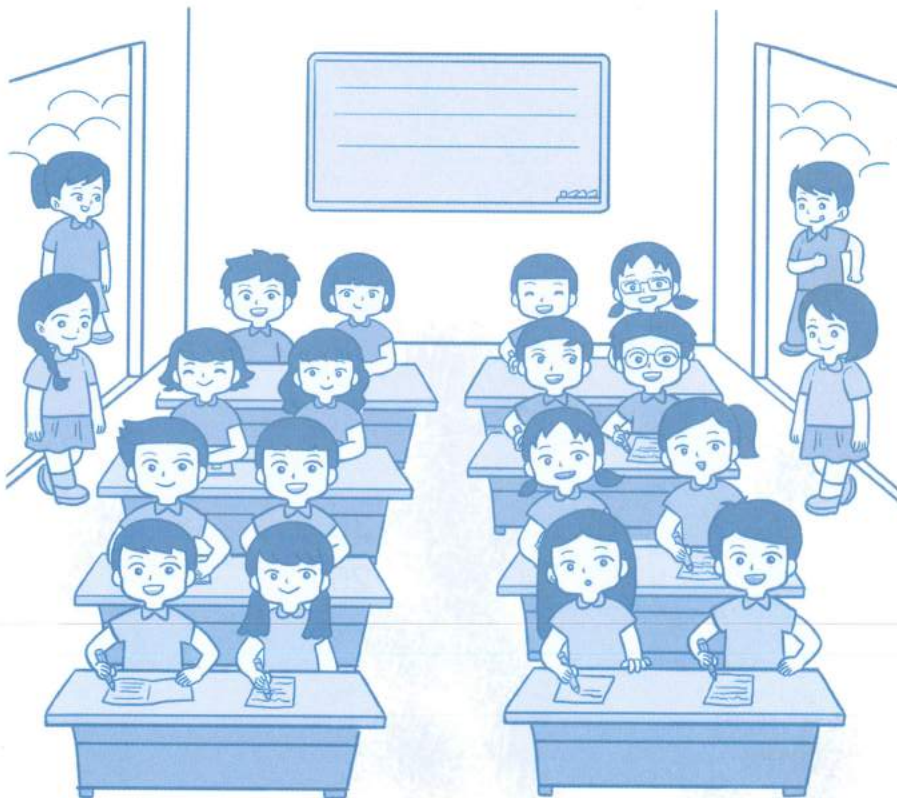
50 + 20 + 14 =

60 + 2 + 3 =

5 Nối kết quả đúng với mỗi phép tính:



6 Lớp 1A có 20 bạn nữ và 15 bạn nam. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu bạn?



Phép tính: ○ =

Trả lời: Lớp 1A có tất cả bạn.

7 Quyển truyện của Hoa có 48 trang. Hoa đã đọc được 35 trang. Hỏi quyển truyện còn lại bao nhiêu trang Hoa chưa đọc?

Phép tính: ○ =

Trả lời: Quyển truyện còn lại trang Hoa chưa đọc.



Nhận xét của giáo viên:

.....

1 Tính:



$$\begin{array}{r} 35 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 48 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 67 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

2 Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 27 - 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 48 - 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 65 - 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 76 - 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

3 Tính:

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 20 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 74 \\ - 40 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 69 \\ - 50 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 30 \\ \hline \end{array}$$

.....

4 Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 68 - 40 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 45 - 20 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 73 - 50 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 86 - 30 \\ \hline \end{array}$$

.....

5 Nối kết quả đúng với mỗi phép tính:



6 Tính:

$58 - 13 - 2 = \dots$

$98 - 54 - 2 = \dots$

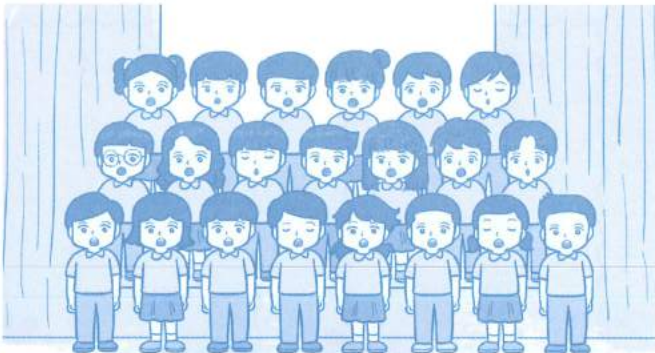
$87 - 2 - 43 = \dots$

$46 - 21 - 4 = \dots$

$69 - 35 - 3 = \dots$

$89 - 7 - 62 = \dots$

7 Câu lạc bộ nghệ thuật của trường Bình Minh có tất cả 28 bạn tham gia trong đó có 7 bạn ở đội múa, số bạn còn lại ở đội hát. Em hãy tính xem đội hát có bao nhiêu bạn.



Phép tính: ○ =

Trả lời: Đội hát có bạn.



8 Lớp 1A và lớp 1C có 69 bạn tham gia Cuộc thi vẽ tranh An toàn giao thông. Biết lớp 1C có 35 bạn tham gia. Hỏi lớp 1A có bao nhiêu bạn tham gia thi vẽ tranh?



Phép tính: ○ =

Trả lời: Lớp 1A có bạn tham gia thi vẽ tranh.

1 Đặt tính rồi tính:

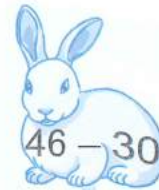
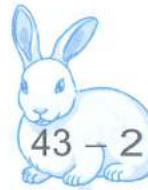
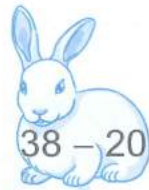
$59 - 8$
.....
.....
.....

$75 - 40$
.....
.....
.....

$68 - 8$
.....
.....
.....

$88 - 80$
.....
.....
.....

2 Nối kết quả đúng với mỗi phép tính:



3 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix} ?$ $30 + 14$ $23 + 14$
 $57 - 4$ $67 + 2$

$64 - 20$ $50 + 30$
 $75 - 34$ $61 - 20$

4 Tính:

Mẫu: $20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = 50 \text{ cm}$

$10 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots$

$60 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = \dots$

$50 \text{ cm} - 20 \text{ cm} + 10 \text{ cm} = \dots$

$20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = \dots$

4 Vẽ thêm kim ngắn để có giờ đúng:



4 giờ



7 giờ

5 Đặt tính rồi tính:

$37 + 61$

.....
.....
.....

$89 - 27$

.....
.....
.....

$52 + 44$

.....
.....
.....

$96 - 70$

.....
.....
.....

6 Lớp 1A có 15 học sinh nữ và 14 học sinh nam. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu học sinh?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Lớp 1A có tất cả \square học sinh.

7 Trong buổi chiều, cửa hàng thông báo về thời gian giảm giá một số sản phẩm như bảng dưới đây. Quan sát thông tin và điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Mặt hàng giảm giá	Giờ bắt đầu	Giờ kết thúc	Thời gian giảm giá
	 giờ	 giờ giờ
	 giờ	 giờ giờ

1 Đặt tính rồi tính:

$59 - 8$

.....
.....
.....

$75 - 40$

.....
.....
.....

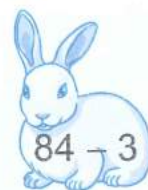
$68 - 8$

.....
.....
.....

$88 - 80$

.....
.....
.....

2 Nối kết quả đúng với mỗi phép tính:



3

>
<
=

$30 + 14 \square 23 + 14$

$57 - 4 \square 67 + 2$

$64 - 20 \square 50 + 30$

$75 - 34 \square 61 - 20$

4 Tính:

Mẫu: $20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = 50 \text{ cm}$

$10 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots$

$60 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = \dots$

$50 \text{ cm} - 20 \text{ cm} + 10 \text{ cm} = \dots$

$20 \text{ cm} + 30 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = \dots$

5 Đố bạn?

Hôm nay là thứ tư. Đố bạn:

a) Ngày mai là thứ mấy?

.....

b) Hôm qua là ngày thứ mấy?

.....



6 Hãy xem lịch và trả lời câu hỏi:

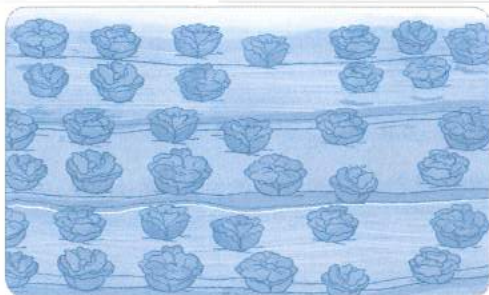


a) Ngày 17 tháng tám là thứ mấy?

b) Ngày 10 tháng mười là thứ mấy?

c) Chủ nhật là ngày bao nhiêu?

7 Vườn nhà bà Tú có 87 cây bắp cải, bà đã cắt đi 70 cây bắp cải để bán. Hỏi vườn nhà bà Tú còn lại bao nhiêu cây bắp cải?



Phép tính: =

Trả lời: Vườn nhà bà Tú còn lại bắp cải.

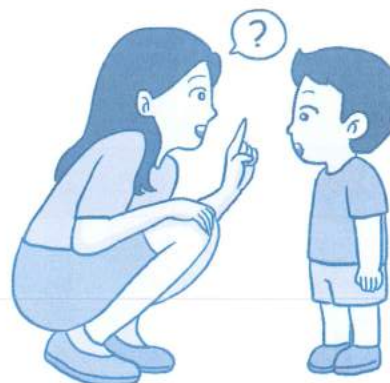
8 Mẹ hỏi con (xem hình vẽ bên):

a) Mẹ đi công tác ngày 20 tháng năm, con xem hộ mẹ là thứ mấy?

.....

b) Thứ bảy tuần này mẹ con mình sẽ đi chơi phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm. Đố con đó là ngày bao nhiêu?

.....



1 Đặt tính rồi tính:

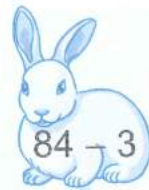
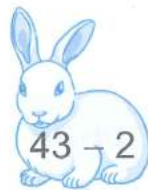
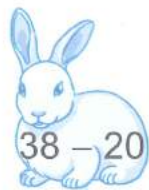
$$\begin{array}{r} 59 - 8 \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 75 - 40 \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 - 8 \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 88 - 80 \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array}$$

2 Nối kết quả đúng với mỗi phép tính:



3

>
< ?
=

$30 + 14$ $23 + 14$

$57 - 4$ $67 + 2$

$64 - 20$ $50 + 30$

$75 - 34$ $61 - 20$

4 Tính:

Mẫu: $20\text{ cm} + 30\text{ cm} = 50\text{ cm}$

$10\text{ cm} + 30\text{ cm} = \dots\dots$

$60\text{ cm} - 40\text{ cm} = \dots\dots$

$50\text{ cm} - 20\text{ cm} + 10\text{ cm} = \dots\dots$

$20\text{ cm} + 30\text{ cm} - 40\text{ cm} = \dots\dots$

5 Đố bạn?

Hôm nay là thứ tư. Đố bạn:

a) Ngày mai là thứ mấy?

.....

b) Hôm qua là ngày thứ mấy?

.....



6 Hãy xem lịch và trả lời câu hỏi:



a) Ngày 17 tháng tám là thứ mấy?

b) Ngày 10 tháng mười là thứ mấy?

c) Chủ nhật là ngày bao nhiêu?

7 Vườn nhà bà Tú có 87 cây bắp cải, bà đã cắt đi 70 cây bắp cải để bán. Hỏi vườn nhà bà Tú còn lại bao nhiêu cây bắp cải?



Phép tính: =

Trả lời: Vườn nhà bà Tú còn lại bắp cải.

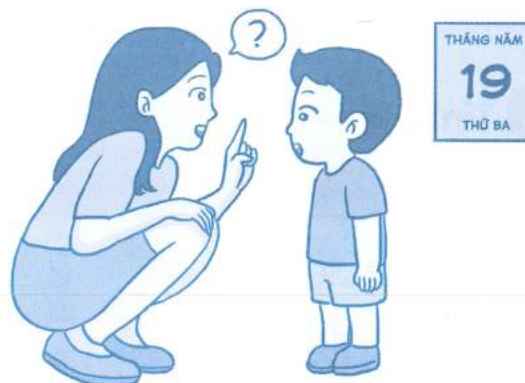
8 Mẹ hỏi con (xem hình vẽ bên):

a) Mẹ đi công tác ngày 20 tháng năm, con xem hộ mẹ là thứ mấy?

.....

b) Thứ bảy tuần này mẹ con mình sẽ đi chơi phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm. Đố con đó là ngày bao nhiêu?

.....



1 Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



..... giờ



..... giờ



..... giờ

2 Nối đồng hồ với giờ thích hợp:



6 giờ



5 giờ



1 giờ



9 giờ

3 Nối tranh với đồng hồ thích hợp:



Buổi tối, Bách đi ngủ.



Buổi chiều, Bách học bài.



Buổi sáng, Bách đánh răng.



Buổi chiều, Bách tan học.



4 Vẽ thêm kim ngắn để có giờ đúng:



4 giờ



7 giờ

5 Đặt tính rồi tính:

$37 + 61$

$89 - 27$

$52 + 44$

$96 - 70$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....







6 Lớp 1A có 15 học sinh nữ và 14 học sinh nam. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu học sinh?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Lớp 1A có tất cả \square học sinh.

7 Trong buổi chiều, cửa hàng thông báo về thời gian giảm giá một số sản phẩm như bảng dưới đây. Quan sát thông tin và điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Mặt hàng giảm giá	Giờ bắt đầu	Giờ kết thúc	Thời gian giảm giá
	 giờ	 giờ giờ
	 giờ	 giờ giờ

1 Đếm, viết và đọc các số (theo mẫu):



1

một



2

.....



.....

.....



.....

.....



.....

.....



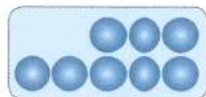
.....

.....



.....

.....



.....

.....



.....

.....



.....

.....

2 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

7 6

0 10

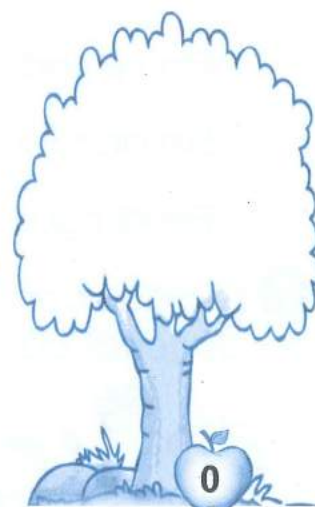
7 7

5 8

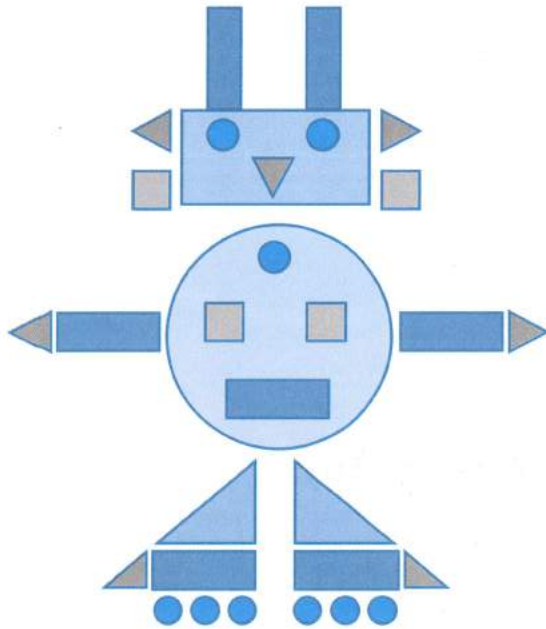
9 4

10 1

3 Vẽ thêm quả tương ứng với số đã cho:



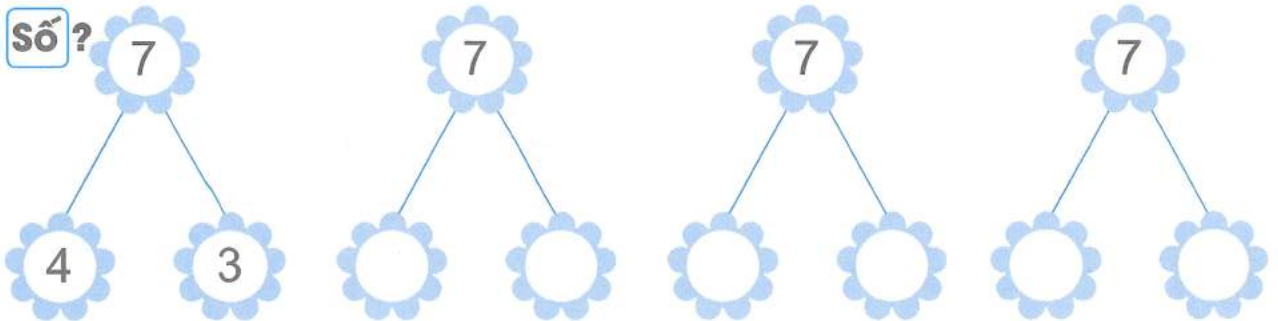
4 **Số?**



Hình bên có:

- Hình vuông
- Hình tròn
- Hình chữ nhật
- Hình tam giác

5 **Số?**



6 **Kể về những việc em thường làm hằng ngày trong tuần bằng cách điền số hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ chấm:**

Từ thứ hai đến thứ sáu:

- Em ngủ dậy lúc giờ.
- Em đi học lúc giờ.
- Em về nhà lúc giờ.
- Em ăn tối lúc giờ.
- Em đi ngủ lúc giờ.

Ngày thứ bảy và chủ nhật:

.....

.....

.....

.....

.....

7 **Lúc đầu con sên bò được 5 cm, sau đó bò tiếp 3 cm. Hỏi con sên bò được tất cả bao nhiêu xăng-ti-mét?**



Phép tính: =

Trả lời: Con sên bò được tất cả cm.

Nhận xét của giáo viên:

.....

1 Tính nhẩm:

a) $3 + 5 = \dots\dots$

$5 + 3 = \dots\dots$

$8 - 5 = \dots\dots$

$8 - 3 = \dots\dots$

$2 + 7 = \dots\dots$

$7 + 2 = \dots\dots$

$9 - 7 = \dots\dots$

$9 - 2 = \dots\dots$

$4 + 6 = \dots\dots$

$6 + 4 = \dots\dots$

$10 - 6 = \dots\dots$

$10 - 4 = \dots\dots$

b) $20 + 50 = \dots\dots$

$50 + 20 = \dots\dots$

$70 - 50 = \dots\dots$

$70 - 20 = \dots\dots$

$30 + 60 = \dots\dots$

$60 + 30 = \dots\dots$

$90 - 60 = \dots\dots$

$90 - 30 = \dots\dots$

$40 + 10 = \dots\dots$

$10 + 40 = \dots\dots$

$50 - 10 = \dots\dots$

$50 - 40 = \dots\dots$

2 Xem hình và thực hiện theo yêu cầu sau:

a) Đoán xem trong hình có bao nhiêu hạt gạo.

b) Đếm và khoanh tròn một nhóm có 10 hạt gạo.

c) Đếm để kiểm tra dự đoán của mình.



Dự đoán

.....

Đếm

.....

3 Viết (theo mẫu):

Số	Chục	Đơn vị	Viết
48	4	8	$48 = 40 + 8$
56			
75			
37			
91			
26			
82			

4 Đặt tính rồi tính:

$45 + 23$

.....
.....
.....

$78 - 31$

.....
.....
.....

$26 + 50$

.....
.....
.....

$89 - 9$

.....
.....
.....

5

$\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

$6 - 2 \square 3 + 1$

$5 + 3 \square 10 - 1$

$9 - 2 \square 9 - 3$

$60 - 50 \square 90 - 80$

$50 \square 70 - 20$

$15 + 24 \square 14 + 25$

6 Tính:

a) $10 - 5 - 2 = \dots\dots\dots$

$7 - 4 + 2 = \dots\dots\dots$

$4 + 1 + 5 = \dots\dots\dots$

$6 + 3 - 4 = \dots\dots\dots$

b) $41 + 2 + 4 = \dots\dots\dots$

$35 - 5 + 20 = \dots\dots\dots$

$79 - 5 - 2 = \dots\dots\dots$

$66 - 6 + 10 = \dots\dots\dots$

7 a) Trên chiếc lá có 10 con ếch. Nhảy đi 2 con. Hỏi còn lại mấy con ếch?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Còn lại \square con ếch.

b) Hộp thứ nhất có 32 cái bánh. Hộp thứ hai có 41 cái bánh. Hỏi cả hai hộp có tất cả bao nhiêu cái bánh?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Cả hai hộp có tất cả \square cái bánh.

Nhận xét của giáo viên:

.....
.....
.....

ĐỀ TỰ LUYỆN SỐ 1

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái trước mỗi câu trả lời đúng nhất (từ câu 1 đến câu 4)

1 Số 71 được đọc là:

- A. Bảy một B. Mười bảy C. Bảy mươi mốt

2 Số 93 gồm:

- A. 9 chục và 3 đơn vị B. 3 chục và 9 đơn vị C. 90 chục và 3 đơn vị

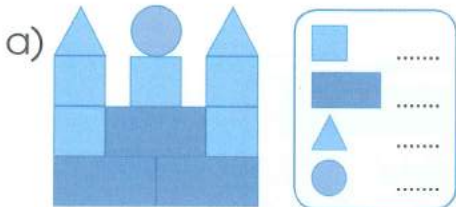
3 Các số 8, 26, 17, 61 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 8; 17; 26; 61 B. 61; 26; 17; 8 C. 61; 17; 26; 8 D. 8; 26; 17; 61

4 Trong hình dưới đây, con vật cao nhất là:



5 Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



6 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

Đồng hồ bên chỉ:

- 6 giờ
12 giờ



B. PHẦN TỰ LUẬN

7 Đặt tính rồi tính:

a) $32 + 56$

.....
.....
.....

b) $98 - 41$

.....
.....
.....

- 8 An có 39 con tem. An cho My 15 con tem.
Hỏi An còn lại bao nhiêu con tem?

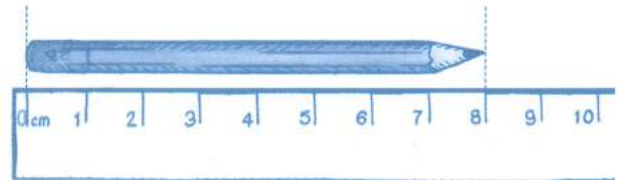
Phép tính: $\square \circ \square = \square$

Trả lời: An còn lại \square con tem.



9 Số ?

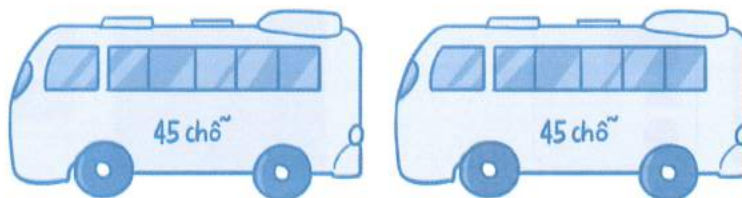
- a) Bút màu dài \square cm.



- b) Bố của Bình đi công tác 1 tuần và 2 ngày. Hỏi bố của Bình đi công tác bao nhiêu ngày?

Trả lời: Bố của Bình đi công tác \square ngày.

- 10 Nhà trường thuê hai chiếc xe chở các học sinh khối lớp 1 đi trải nghiệm ở một trang trại. Theo em, nên xếp những lớp nào đi cùng xe để đủ chỗ ngồi.



Phép tính: $\square + \square = 45$

$\square + \square = 45$

Trả lời:

ĐỀ TỰ LUYỆN SỐ 2

1 Viết (theo mẫu):

Bốn mươi tư: 44

23: hai mươi ba

Năm mươi hai:

85:

Tám mươi chín:

71:

2 Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số 36 gồm chục và đơn vị.

b) Số gồm 9 chục và 0 đơn vị được viết là:

3 Viết các số 41, 88, 7, 39:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

4 Đặt tính rồi tính:

$15 + 43$

$32 + 7$

$96 - 6$

$80 - 50$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính:

a) $59 - 4 - 5 = \dots\dots\dots$

b) $30 \text{ cm} + 60 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

c) $40 - 20 + 20 = \dots\dots\dots$

d) $77 \text{ cm} - 13 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

6 Hoàn thành các câu sau bằng cách điền vào chỗ chấm:

a) Một tuần có ngày.

b) Em đi học vào các ngày: thứ hai,

.....

7



$65 \square 56$

$25 + 4 \square 25 - 4$

$89 \square 98$

$47 \square 49 - 2$

- 8 Tuấn có 69 viên bi, Tuấn cho bạn 24 viên bi. Hỏi Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi?

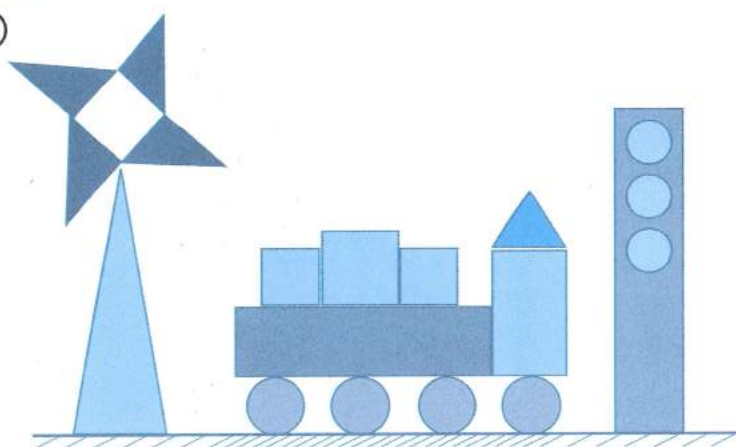


Phép tính: ○ =

Trả lời: Tuấn còn lại viên bi.

- 9 Số ?

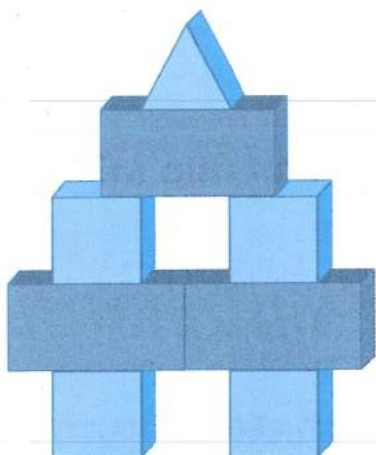
a)



Hình bên có:

- Hình vuông
- Hình chữ nhật
- Hình tam giác
- Hình tròn

b)



Hình bên có:

- Khối lập phương
- Khối hộp chữ nhật

- 10 Vẽ thêm kim dài, kim ngắn để đồng hồ chỉ giờ đúng:



9 giờ



1 giờ